



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

HỎI - ĐÁP

VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

**TRONG LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ
VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỎI - ĐÁP

VỀ XỬ PHẠT

VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ
VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên

TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. VŨ TRỌNG LÂM

GS, TS. NGUYỄN NGỌC ANH (*Chủ biên*)
ThS. VŨ HUY KHÁNH

HỎI - ĐÁP
VỀ XỬ PHẠT
VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ
VÀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2011

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Xử phạt vi phạm hành chính là hoạt động quan trọng, thường xuyên của người có thẩm quyền nhằm duy trì trật tự quản lý nhà nước. Tại địa bàn cơ sở, vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy xảy ra khá phổ biến. Cơ sở pháp lý chung là Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 sửa đổi, bổ sung các năm 2007, 2008 và cơ sở pháp lý trực tiếp để xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực trên được quy định tại Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội; Nghị định số 123/2005/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2005 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

Thực tiễn cho thấy, do nhiều nguyên nhân khác nhau như: quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính chưa cụ thể, khả năng nhận thức của người có thẩm quyền xử phạt còn hạn chế, v.v. nên việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy chưa đạt được kết quả như mong muốn. Đã có những trường hợp người có thẩm quyền tiến hành xử phạt không đúng với quy định của pháp luật, xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước.

Để góp phần nâng cao nhận thức pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công chức có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đặc biệt là ở cấp cơ sở; đồng thời, nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của tổ chức, cá nhân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tái bản (có sửa chữa, bổ sung) cuốn sách ***Hỏi - Đáp về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy.***

Cuốn sách do GS. TS. Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên), ThS. Vũ Huy Khánh công tác tại Bộ Công an biên soạn... Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

Phần thứ nhất: Hỏi - Đáp về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Phần thứ hai: Hỏi - Đáp về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

Các câu hỏi và trả lời trong cuốn sách là những nội dung cơ bản, quan trọng về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy, được sắp xếp theo thứ tự từ những vấn đề chung đến những hành vi vi phạm cụ thể, thẩm quyền và thủ tục xử phạt.

Hy vọng cuốn sách sẽ cung cấp những kiến thức cần thiết cho những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này và những cá nhân, tổ chức có liên quan. Nhà xuất bản và các tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

Tháng 5 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Phần thứ nhất

HỎI - ĐÁP

**VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ**

**I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ**

Câu hỏi 1: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự là gì?

Trả lời: Theo nghĩa rộng, vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự là các hành vi vi phạm quy tắc quản lý nhà nước diễn ra trên nhiều lĩnh vực, như: bảo đảm trật tự an toàn giao thông; bảo đảm trật tự phòng cháy và chữa cháy; bảo đảm trật tự về đăng ký, quản lý cư trú của công dân; bảo đảm trật tự về quản lý vũ khí, vật liệu nổ v.v.. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định ở nhiều nghị định của Chính phủ. Theo nghĩa hẹp, vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự là các hành vi vi phạm hành chính được quy định trong

Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 73/2010/NĐ-CP thì vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự là hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về an ninh, trật tự do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Câu hỏi 2: Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được áp dụng theo những văn bản quy phạm pháp luật nào?

Trả lời: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự là một dạng của vi phạm hành chính; do đó, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự phải tuân thủ những quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 73/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể là, các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh sửa đổi một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 08-3-2007 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm

hành chính ngày 02-4-2008 (sau đây gọi là Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính);

- Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 (sau đây gọi là Nghị định số 128);

- Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (sau đây gọi là Nghị định số 73).

Câu hỏi 3: Đối tượng nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 73 thì đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bao gồm:

a) Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự. Cá nhân là người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự thì bị xử lý theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; cụ thể là:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì bị phạt cảnh cáo;

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính thì có thể bị áp dụng hình thức xử

phạt vi phạm hành chính như đối với người đã thành niên; tuy nhiên, khi phạt tiền đối với họ thì mức tiền phạt không được quá một phần hai mức phạt đối với người thành niên; trong trường hợp họ không có tiền nộp phạt thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay;

- Người chưa thành niên vi phạm hành chính gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Câu hỏi 4: Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được áp dụng theo nguyên tắc nào?

Trả lời: Theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 73, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt vi phạm hành

chính phải được tiến hành nhanh chóng, khách quan, triệt để. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

b) Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự khi thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 73 hoặc các nghị định khác của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính có liên quan đến lĩnh vực an ninh, trật tự.

c) Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự do người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định số 73 tiến hành theo quy định của pháp luật.

d) Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt hành chính một lần. Cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt từng hành vi vi phạm. Nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi cá nhân, tổ chức vi phạm đều bị xử phạt.

đ) Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân của người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, mức xử phạt và các biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của Nghị định số 73. Những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

e) Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Câu hỏi 5: Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự sẽ bị áp dụng những hình thức xử phạt nào?

Trả lời: Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự sẽ bị áp dụng những hình thức xử phạt sau:

a) Theo Điều 4 Nghị định số 73, đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự có thể bị phạt từ 60.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

b) Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc bằng, chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép khác;

- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

c) Ngoài hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung nêu trên, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, bao gồm:

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

- Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;

- Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

d) Người có hành vi vi phạm hành chính gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân, ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính nêu trên còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

đ) Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự trên lãnh thổ Việt Nam có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất. Tùy theo đối tượng và tính chất, mức độ vi phạm, việc xử phạt trục xuất có thể do Bộ trưởng Bộ Công an, Cục trưởng Cục Quản lý xuất, nhập cảnh hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định.

Câu hỏi 6: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như thế nào?

Trả lời: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như sau:

a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là một khoảng thời gian do pháp luật quy định mà hết thời hạn đó, cơ quan có thẩm quyền mới phát hiện được hành vi vi phạm hành chính thì người vi phạm không bị xử phạt. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính không áp dụng đối với trường hợp người vi phạm thực hiện hành vi vi phạm mới trong cùng lĩnh vực, cố tình trốn tránh hoặc cản trở việc xử phạt.

b) Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện; đối với vi phạm hành chính về xuất cảnh, nhập cảnh thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là hai năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện. Nếu quá các thời hạn nói trên thì không bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố

tụng hình sự mà có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì bị xử phạt vi phạm hành chính nếu hành vi của người đó có dấu hiệu vi phạm hành chính; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vi phạm.

Trong thời hạn được quy định nêu trên mà cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu xử phạt nói trên; thời hiệu xử phạt được tính lại kể từ thời điểm người đó thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Câu hỏi 7: Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự sau bao lâu thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính?

Trả lời: Theo Điều 11 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định số 73, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Câu hỏi 8: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự gồm những loại hành vi gì?

Trả lời: Theo quy định tại Chương II Nghị định số 73, vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự gồm các nhóm hành vi sau:

- Hành vi vi phạm trật tự công cộng;
- Hành vi gây ảnh hưởng đến sự yên tĩnh chung;
- Hành vi gây ảnh hưởng đến việc giữ gìn vệ sinh chung;
- Hành vi vi phạm quy định về nếp sống văn minh;
- Hành vi vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú;
- Hành vi vi phạm quy định về cấp và quản lý, sử dụng giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ tùy thân;
- Hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các loại pháo, đồ chơi nguy hiểm bị cấm;
- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự;
- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu;
- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- Hành vi vi phạm các quy định về tổ tụng hình sự, thi hành các biện pháp xử lý hành chính khác;

- Hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác;
- Hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự;
- Hành vi vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cư trú và đi lại;
- Hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy;
- Hành vi mại dâm và liên quan đến hoạt động mại dâm;
- Hành vi đánh bạc trái phép;
- Hành vi vi phạm quy định về bán, sử dụng rượu, bia;
- Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;
- Hành vi đưa hối lộ người thi hành công vụ.

II- VỀ NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ

Câu hỏi 9: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm trật tự công cộng?

Trả lời: Hình thức xử phạt được áp dụng đối với hành vi vi phạm trật tự công cộng được quy định như sau:

1. Theo Điều 7 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm trật tự công cộng sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;

- Gây mất trật tự ở rạp hát, rạp chiếu bóng, nhà văn hóa, câu lạc bộ, nơi biểu diễn nghệ thuật, nơi tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, lễ hội, triển lãm, hội chợ, trụ sở cơ quan, xí nghiệp, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, khu dân cư, trường học, bệnh viện, nhà ga, bến tàu, bến xe, trên các phương tiện giao thông, trên đường phố, ở khu vực cửa khẩu, cảng hoặc ở nơi công cộng khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Thả rông trâu, bò, ngựa, chó hoặc động vật khác trong thành phố, thị xã hoặc nơi công cộng.

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Báo thông tin giả đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Say rượu, bia gây mất trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Ném gạch, đất, đá, cát hoặc bất cứ vật gì khác vào nhà, vào tàu, thuyền, xe lửa hoặc các phương tiện giao thông khác, vào người, đồ vật, tài sản của người khác;

- Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Đổ gia súc hoặc các động vật khác gây thương tích, thiệt hại tài sản cho người khác;

- Thả diều, bóng bay, chơi máy bay, đĩa bay có điều khiển từ xa hoặc các vật bay khác ở khu vực sân bay, khu vực cấm; đốt và thả “đèn trời” trong thành phố, thị xã hoặc ở khu vực đông dân cư, khu công nghiệp, các khu vực kho, bãi, sân bay, cảng.

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ hoặc có lời nói, hành động lăng mạ, xúc phạm danh sự hoặc chống lại người thi hành công vụ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Xúi giục người khác không chấp hành các yêu cầu của người thi hành công vụ;

- Gây rối trật tự công cộng mà có mang theo các loại vũ khí thô sơ: dao, lê, mã tấu, dây xích, côn, gậy... hoặc công cụ hỗ trợ;

- Lôi kéo hoặc kích động người khác gây rối, làm mất trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Thuê hoặc lôi kéo người khác đánh nhau;
- Tụ tập để cổ vũ, kích động đua ca nô, xuống máy, tàu thuyền trái phép mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Gây rối trật tự tại phiên tòa, nơi thi hành án hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho hoạt động xét xử, thi hành án mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Gây rối trật tự tại nơi tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Lợi dụng quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng để lôi kéo, kích động người khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;
- Trực tiếp xâm hại hoặc thuê người xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác;
- Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức;
- Tập trung đông người trái pháp luật tại các địa điểm, khu vực cấm;
- Thực hiện không đúng quy định của pháp luật về việc tập trung đông người ở nơi công cộng;
- Tổ chức, tạo điều kiện cho người khác kết hôn với người nước ngoài trái với thuần phong mỹ tục hoặc trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 60/2009/NĐ-CP

ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp);

- Viết, tán phát, lưu hành tài liệu có nội dung xuyên tạc bịa đặt, vu cáo làm ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức, cá nhân nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Tàng trữ, vận chuyển “đèn trời”.

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác;

- Sản xuất, nhập khẩu, buôn bán “đèn trời”.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung “Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm”, nếu hành vi vi phạm là:

- Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Gây rối trật tự công cộng mà có mang theo các loại vũ khí thô sơ: dao, lê, mã tấu, dây xích, côn, gậy... hoặc công cụ hỗ trợ;

- Viết, tán phát, lưu hành tài liệu có nội dung xuyên tạc bịa đặt, vu cáo làm ảnh hưởng đến uy

tín của tổ chức, cá nhân nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Tàng trữ, vận chuyển “đèn trời”;

- Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác;

- Sản xuất, nhập khẩu, buôn bán “đèn trời”.

3. Người có hành vi để gia súc hoặc các động vật khác gây thương tích, thiệt hại tài sản cho người khác còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do gia súc hoặc các động vật khác gây ra.

Câu hỏi 10: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi gây ảnh hưởng đến sự yên tĩnh chung?

Trả lời: Hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi gây ảnh hưởng đến sự yên tĩnh chung được quy định như sau:

1. Theo Điều 8 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi gây ảnh hưởng đến sự yên tĩnh chung sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo

trong khoảng thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau;

- Không thực hiện các quy định về giữ yên tĩnh của bệnh viện, nhà điều dưỡng, trường học hoặc ở những nơi khác có quy định phải giữ yên tĩnh chung.

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi sau đây: dùng loa phóng thanh, chiêng, trống, còi, kèn hoặc các phương tiện khác để cổ động nơi công cộng mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung “tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm”, nếu thực hiện hành vi: dùng loa phóng thanh, chiêng, trống, còi, kèn hoặc các phương tiện khác để cổ động nơi công cộng mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền.

Câu hỏi 11: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi gây ảnh hưởng đến việc giữ gìn vệ sinh chung?

Trả lời: Hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi gây ảnh hưởng đến giữ gìn vệ sinh chung được quy định như sau:

1. Theo Điều 9 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi gây ảnh hưởng đến

việc giữ gìn vệ sinh chung sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không thực hiện các quy định về quét dọn rác, khai thông cống rãnh trong và xung quanh nhà ở, cơ quan, doanh nghiệp, doanh trại gây mất vệ sinh chung;

- Đổ nước hoặc để nước chảy ra khu tập thể, lòng đường, vỉa hè, nhà ga, bến xe, nơi công cộng, trên các phương tiện giao thông hoặc ở những nơi khác làm mất vệ sinh chung;

- Tiểu tiện, đại tiện ở đường phố, trên các lối đi chung;

- Để gia súc, gia cầm hoặc các loại động vật khác phóng uế ở nơi công cộng;

- Lấy, vận chuyển phân bằng phương tiện giao thông thô sơ trong thành phố, thị xã để rơi vãi hoặc không đảm bảo vệ sinh.

b) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Vận chuyển phân bằng phương tiện giao thông cơ giới trong thành phố, thị xã để rơi vãi hoặc không đảm bảo vệ sinh;

- Đổ rác hoặc bất cứ vật gì khác vào hố ga, hệ thống thoát nước công cộng;

- Vứt rác, xác động vật hoặc bất cứ vật gì khác ra nơi công cộng, chỗ có vòi nước, giếng nước ăn,

ao, đầm, hồ mà thường ngày nhân dân sử dụng trong sinh hoạt làm mất vệ sinh;

- Tự ý đốt chất thải, chất độc hoặc các chất nguy hiểm khác ở khu vực dân cư, nơi công cộng.

c) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi làm nhà vệ sinh không đúng quy định gây mất vệ sinh chung.

d) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi đổ chất thải, chất bẩn hoặc các chất khác làm hoen bẩn nhà ở, cơ quan, trụ sở làm việc, nơi sản xuất, kinh doanh của người khác.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với các hành vi sau:

- Đổ nước hoặc để nước chảy ra khu tập thể, lòng đường, vỉa hè, nhà ga, bến xe, nơi công cộng, trên các phương tiện giao thông hoặc ở những nơi khác làm mất vệ sinh chung;

- Tiểu tiện, đại tiện ở đường phố, trên các lối đi chung;

- Để gia súc, gia cầm hoặc các loại động vật khác phóng uế ở nơi công cộng;

- Lấy, vận chuyển phân bằng phương tiện giao thông thô sơ trong thành phố, thị xã để rơi vãi hoặc không đảm bảo vệ sinh;

- Vận chuyển phân bằng phương tiện giao thông cơ giới trong thành phố, thị xã để rơi vãi hoặc không đảm bảo vệ sinh;

- Vứt rác, xác động vật hoặc bất cứ vật gì khác ra nơi công cộng, chỗ có vòi nước, giếng nước ăn, ao, đầm, hồ mà thường ngày nhân dân sử dụng trong sinh hoạt làm mất vệ sinh;

- Tự ý đốt chất thải, chất độc hoặc các chất nguy hiểm khác ở khu vực dân cư, nơi công cộng;

- Đổ chất thải, chất bẩn hoặc các chất khác làm hoen bẩn nhà ở, cơ quan, trụ sở làm việc, nơi sản xuất, kinh doanh của người khác.

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi sau:

- Đổ rác hoặc bất cứ vật gì khác vào hố ga, hệ thống thoát nước công cộng;

- Đổ chất thải, chất bẩn hoặc các chất khác làm hoen bẩn nhà ở, cơ quan, trụ sở làm việc, nơi sản xuất, kinh doanh của người khác.

c) Buộc tháo dỡ công trình vệ sinh đối với hành vi làm nhà vệ sinh không đúng quy định gây mất vệ sinh chung.

Câu hỏi 12: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về nếp sống văn minh?

Trả lời: Theo Điều 10 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, các hành vi vi

phạm quy định về nếp sống văn minh sau đây sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng:

1. Không mặc quần, áo hoặc mặc quần, áo lót ở nơi hội họp đông người, các địa điểm văn hóa, tín ngưỡng, nơi làm việc của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội;

2. Không có vé mà vào những nơi quy định phải có vé;

3. Có lời nói hoặc cử chỉ thô thiển, tục tĩu, thiếu văn hóa ở nơi công cộng.

Câu hỏi 13: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú?

Trả lời: Hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú được quy định như sau:

1. Theo Điều 11 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không thực hiện đúng quy định về đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú;

- Không thực hiện đúng quy định về điều chỉnh, bổ sung hoặc những thay đổi khác trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú;

- Không thực hiện đúng những quy định về khai báo tạm vắng;

- Không chấp hành việc kiểm tra hộ khẩu, kiểm tra tạm trú, kiểm tra lưu trú hoặc không xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu kiểm tra.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Tẩy, xóa, sửa chữa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung, hình thức sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú, cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về cư trú;

- Thuê, mượn hoặc cho thuê, cho mượn sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật;

- Sử dụng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú để thực hiện hành vi trái pháp luật;

- Không thực hiện việc thông báo lưu trú với cơ quan Công an theo quy định khi có người đến lưu trú;

- Tổ chức kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, môi giới, cưỡng bức người khác vi phạm pháp luật về cư trú.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Khai man, giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được

đăng ký cư trú, cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú;

- Làm giả sổ hộ khẩu, sổ tạm trú nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Sử dụng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giả;

- Cho người khác nhập hộ khẩu vào sổ hộ khẩu, chỗ ở của mình để trục lợi;

- Cho nhập hộ khẩu vào cùng một chỗ ở nhưng không bảo đảm diện tích sàn tối thiểu trên đầu người theo quy định;

- Ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với người lao động không thuộc doanh nghiệp của mình để nhập hộ khẩu.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung “tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm”, nếu thực hiện hành vi vi phạm sau:

- Tẩy, xóa, sửa chữa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung, hình thức sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú, cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về cư trú;

- Khai man, giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được đăng ký cư trú, cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú;

- Làm giả sổ hộ khẩu, sổ tạm trú nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Sử dụng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giả;

- Cho người khác nhập hộ khẩu vào sổ hộ khẩu, chỗ ở của mình để trục lợi.

Câu hỏi 14: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về cấp và quản lý, sử dụng giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ tùy thân?

Trả lời: Đối với những hành vi vi phạm nêu trên pháp luật quy định các hình thức xử phạt như sau:

1. Theo Điều 12 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về cấp và quản lý, sử dụng giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ tùy thân sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không mang theo giấy chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân;
- Không xuất trình giấy chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân khi có yêu cầu kiểm tra;
- Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về cấp mới, cấp lại, đổi giấy chứng minh nhân dân;
- Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về thu hồi, tạm giữ giấy chứng minh nhân dân.

b) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Bỏ lại giấy chứng minh nhân dân sau khi bị kiểm tra, tạm giữ;

- Đến khu vực quy định cần có giấy phép mà không có hoặc có giấy phép nhưng hết hạn sử dụng.

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Sử dụng giấy chứng minh nhân dân của người khác không đúng theo quy định;

- Tẩy xóa, sửa chữa giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân;

- Thuê, mượn hoặc cho người khác thuê, mượn giấy chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân.

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Khai man, giả mạo hồ sơ, cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân;

- Làm giả giấy chứng minh nhân dân nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả.

đ) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chứng minh nhân dân để thế chấp nhằm mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của người khác.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung “tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm” nếu thực hiện hành vi vi phạm sau:

- Sử dụng giấy chứng minh nhân dân của người khác không đúng theo quy định;

- Tẩy xóa, sửa chữa giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân;
- Khai man, giả mạo hồ sơ, cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân;
- Làm giả giấy chứng minh nhân dân nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả.

Câu hỏi 15: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các loại pháo, đồ chơi nguy hiểm bị cấm?

Trả lời: Hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm nêu trên được pháp luật quy định như sau:

1. Theo Điều 13 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các loại pháo, đồ chơi nguy hiểm bị cấm sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không thực hiện hoặc thực hiện không kịp thời, đầy đủ quy định về kiểm tra định kỳ các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được trang bị;
- Vi phạm chế độ bảo quản các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

- Sử dụng các loại đồ chơi nguy hiểm bị cấm;
- Lưu hành giấy phép sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ không còn giá trị sử dụng.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép;
- Giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho người không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sử dụng;
- Không giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định;
- Không kê khai và đăng ký đầy đủ các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ với cơ quan có thẩm quyền;
- Sử dụng các loại pháo mà không được phép.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Mượn, cho mượn vũ khí, công cụ hỗ trợ hoặc giấy phép sử dụng, giấy phép mua, giấy phép sửa chữa, giấy phép vận chuyển, mang vũ khí, công cụ hỗ trợ;
- Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép sử dụng, giấy phép vận chuyển, giấy phép mua, giấy phép sửa chữa, giấy phép mang các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ;
- Làm mất giấy phép sử dụng, giấy phép vận chuyển, giấy phép mua, giấy phép sửa chữa, giấy phép mang các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ;
- Sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả;

- Dùng vũ khí, công cụ hỗ trợ để săn bắn động vật hoang dã.

d) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

- Mua, bán, vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ với số lượng nhỏ hơn mà không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng không còn giá trị;

- Mua, bán các loại phế liệu, phế phẩm có lẫn vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ với số lượng nhỏ;

- Vi phạm các quy định an toàn về vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;

- Cưa hoặc tháo bom, mìn, đạn, lựu đạn, thủy lôi và các loại vũ khí khác để lấy thuốc nổ trái phép;

- Sản xuất, tàng trữ, mua, bán, vận chuyển trái phép pháo, thuốc pháo và đồ chơi nguy hiểm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Làm mất vũ khí, công cụ hỗ trợ.

đ) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Sản xuất, sửa chữa các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, đồ chơi đã bị cấm mà không có giấy phép;

- Mua, bán, vận chuyển vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ với số lượng lớn mà không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng không còn giá trị;

- Mua, bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép vũ khí thể thao;

- Vận chuyển vũ khí, các chi tiết vũ khí quân dụng, phụ kiện nổ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng không thực hiện đúng quy định trong giấy phép, giấy phép không còn giá trị hoặc không có các loại giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Sản xuất, chế tạo, sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, súng săn trái phép;

- Mang vào hoặc mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trái phép vũ khí, súng săn, công cụ hỗ trợ, các loại pháo, đồ chơi nguy hiểm.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như sau:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, nếu hành vi vi phạm là:

- Sử dụng các loại đồ chơi nguy hiểm bị cấm;

- Lưu hành giấy phép sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ không còn giá trị sử dụng;

- Sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép;

- Giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho người không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sử dụng;

- Không giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định;

- Sử dụng các loại pháo mà không được phép;
- Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép sử dụng, giấy phép vận chuyển, giấy phép mua, giấy phép sửa chữa, giấy phép mang các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ;
- Sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả;
- Dùng vũ khí, công cụ hỗ trợ để săn bắn động vật hoang dã;
- Mua, bán, vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ với số lượng nhỏ hơn mà không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng không còn giá trị;
- Mua, bán các loại phế liệu, phế phẩm có lẫn vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ với số lượng nhỏ;
- Cưa hoặc tháo bom, mìn, đạn, lựu đạn, thủy lôi và các loại vũ khí khác để lấy thuốc nổ trái phép;
- Sản xuất, tàng trữ, mua, bán, vận chuyển trái phép pháo, thuốc pháo và đồ chơi nguy hiểm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Sản xuất, sửa chữa các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, đồ chơi đã bị cấm mà không có giấy phép;
- Mua, bán, vận chuyển vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ với số lượng lớn mà không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng không còn giá trị;
- Mua, bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép vũ khí thể thao;

- Vận chuyển vũ khí, các chi tiết vũ khí quân dụng, phụ kiện nổ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng không thực hiện đúng quy định trong giấy phép, giấy phép không còn giá trị hoặc không có các loại giấy tờ khác theo quy định của pháp luật;

- Sản xuất, chế tạo, sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, súng săn trái phép;

- Mang vào hoặc mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trái phép vũ khí, súng săn, công cụ hỗ trợ, các loại pháo, đồ chơi nguy hiểm.

b) Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn 6 tháng, nếu hành vi vi phạm là: Giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho người không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sử dụng.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn, nếu hành vi vi phạm là:

- Mượn, cho mượn vũ khí, công cụ hỗ trợ hoặc giấy phép sử dụng, giấy phép mua, giấy phép sửa chữa, giấy phép vận chuyển, mang vũ khí, công cụ hỗ trợ;

- Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép sử dụng, giấy phép vận chuyển, giấy phép mua, giấy phép sửa chữa, giấy phép mang các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ;

- Dùng vũ khí, công cụ hỗ trợ để săn bắn động vật hoang dã;

- Mua, bán, vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ với số lượng nhỏ hơn mà không

có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng không còn giá trị;

- Vi phạm các quy định an toàn về vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Câu hỏi 16: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự?

Trả lời: Đối với các hành vi vi phạm nêu trên pháp luật quy định các hình thức xử phạt như sau:

1. Theo Điều 14 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về quản lý một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Sử dụng người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào hoạt động trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định khác về điều kiện an ninh, trật tự khi hoạt động ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

- Không xuất trình giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền;

- Mất giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

- Không báo cáo định kỳ về tình hình an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định và hướng dẫn của Bộ Công an;

- Không có văn bản thông báo về thời gian hoạt động của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ quan Công an có thẩm quyền;

- Không có văn bản thông báo về tạm ngừng hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ quan Công an có thẩm quyền.

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Kinh doanh không đúng nội dung, địa điểm quy định trong giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

- Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu hoặc đăng ký nhưng không có các giấy tờ đó;

- Cầm cố, thế chấp tài sản mà không có hợp đồng theo quy định;

- Cho mượn, mượn hoặc chuyển nhượng giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

- Không chấp hành hoặc cản trở việc kiểm tra an ninh, trật tự của cơ quan Công an có thẩm quyền.

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000

đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Hành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự;

- Không thực hiện các điều kiện về an ninh, trật tự đối với cơ sở hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự;

- Không thực hiện các điều kiện về an ninh, trật tự, không thực hiện đúng những yêu cầu về các điều kiện đảm bảo an ninh trật tự hoặc không khai báo tạm trú khi cho người nước ngoài thuê chỗ ở, làm việc;

- Sử dụng cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự để tổ chức hoạt động mại dâm, ma túy, cờ bạc hoặc các hoạt động khác trái pháp luật;

- Tạo điều kiện cho người khác lợi dụng cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự để tổ chức hoạt động mại dâm, ma túy, cờ bạc hoặc các hoạt động khác trái pháp luật;

- Cầm cố tài sản do trộm cắp, lừa đảo, chiếm đoạt hoặc do các hành vi vi phạm pháp luật khác mà có.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như sau:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng, nếu hành vi vi phạm là:

- Không có văn bản thông báo về tạm ngừng hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ quan Công an có thẩm quyền;

- Kinh doanh không đúng nội dung, địa điểm quy định trong giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

- Cho mượn, mượn hoặc chuyển nhượng giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

- Sử dụng cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự để tổ chức hoạt động mại dâm, ma túy, cờ bạc hoặc các hoạt động khác trái pháp luật;

- Tạo điều kiện cho người khác lợi dụng cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự để tổ chức hoạt động mại dâm, ma túy, cờ bạc hoặc các hoạt động khác trái pháp luật;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn từ 6 tháng đến 9 tháng, nếu hành vi vi phạm là: Cầm cố tài sản do trộm cắp, lừa đảo, chiếm đoạt hoặc do các hành vi vi phạm pháp luật khác mà có.

Câu hỏi 17: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu?

Trả lời: Đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu, pháp luật quy

định các hình thức xử phạt sau đây:

1. Theo Điều 15 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi mất hoặc để rách, nát giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Khắc các loại con dấu mà không có giấy phép hoặc các giấy tờ khác theo quy định;

- Sử dụng con dấu chưa đăng ký lưu chiếu mẫu hoặc chưa có giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu;

- Tự ý mang con dấu ra khỏi cơ quan, đơn vị mà không được phép của cấp có thẩm quyền;

- Để mất con dấu đang sử dụng;

- Không khắc lại con dấu khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về đổi tên cơ quan, tổ chức hoặc thay đổi trụ sở cơ quan, tổ chức theo quy định;

- Không khắc lại con dấu theo mẫu quy định;

- Không nộp lại con dấu khi cơ quan, tổ chức chia tách, sáp nhập, giải thể, phá sản, kết thúc nhiệm vụ, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc thôi hoạt động;

- Không thông báo mẫu dấu với các cơ quan có liên quan trước khi sử dụng.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000

đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không nộp lại con dấu, giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu hoặc không nộp con dấu theo đúng thời hạn khi có quyết định thu hồi của cấp có thẩm quyền;

- Đóng dấu vào văn bản, giấy tờ không có nội dung;

- Đóng dấu vào văn bản, giấy tờ chưa có chữ ký của cấp có thẩm quyền hoặc chữ ký của cấp không có thẩm quyền;

- Không có giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu;

- Mượn, cho mượn con dấu; sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức khác để hoạt động.

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Mang con dấu vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không có giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu;

- Sử dụng trái phép con dấu mang từ nước ngoài vào Việt Nam;

- Khắc dấu giả hoặc sử dụng con dấu giả nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như sau:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, nếu hành vi vi phạm là:

- Sử dụng con dấu chưa đăng ký lưu chiếu

mẫu hoặc chưa có giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu;

- Không khắc lại con dấu khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về đổi tên cơ quan, tổ chức hoặc thay đổi trụ sở cơ quan, tổ chức theo quy định;

- Không khắc lại con dấu theo mẫu quy định;

- Không nộp lại con dấu khi cơ quan, tổ chức chia tách, sáp nhập, giải thể, phá sản, kết thúc nhiệm vụ, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc thôi hoạt động;

- Không nộp lại con dấu, giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu hoặc không nộp con dấu theo đúng thời hạn khi có quyết định thu hồi của cấp có thẩm quyền;

- Đóng dấu vào văn bản, giấy tờ không có nội dung;

- Đóng dấu vào văn bản, giấy tờ chưa có chữ ký của cấp có thẩm quyền hoặc chữ ký của cấp không có thẩm quyền;

- Mượn, cho mượn con dấu; sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức khác để hoạt động;

- Khắc dấu giả hoặc sử dụng con dấu giả nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng, nếu hành vi vi phạm là: Khắc các loại con dấu mà

không có giấy phép hoặc các giấy tờ khác theo quy định.

Câu hỏi 18: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ?

Trả lời: Hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi nêu trên được pháp luật quy định như sau:

1. Theo Điều 16 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng được áp dụng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không đeo biển hiệu theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ;

- Không có Giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ do Giám đốc doanh nghiệp cấp.

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng được áp dụng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không thông báo về nơi đặt trụ sở hoặc địa bàn, thời gian bắt đầu hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện; không báo cáo định kỳ về hoạt động bảo vệ có liên quan đến an ninh, trật tự;

- Mất giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

- Sử dụng nhân viên dịch vụ bảo vệ chưa qua đào tạo, chưa được cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Hoạt động kinh doanh không đúng ngành, nghề và dịch vụ khác ngoài dịch vụ bảo vệ;

- Không thông báo việc đưa nhân viên hoạt động bảo vệ ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi trụ sở doanh nghiệp đăng ký kinh doanh;

- Không thông báo việc thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện với cơ quan Công an có thẩm quyền theo quy định;

- Không thực hiện việc cấp giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ hoặc biển hiệu cho nhân viên theo quy định;

- Tuyển dụng nhân viên dịch vụ bảo vệ không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Kinh doanh dịch vụ bảo vệ mà không có giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

- Trang bị các trang phục, biển hiệu, cấp hiệu, mũ cho nhân viên dịch vụ bảo vệ trái quy định;

- Tiến hành các hoạt động vũ trang, hoạt động điều tra, thám tử tư dưới mọi hình thức;

- Cho người khác mượn tên tổ chức, cá nhân để thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

- Thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ để cho người khác kinh doanh;

- Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cho nhân viên dịch vụ bảo vệ mà không được phép, không thuộc thẩm quyền;

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ nhưng không ký hợp đồng với cá nhân, tổ chức thuê dịch vụ bảo vệ;

- Thuê dịch vụ bảo vệ nhưng yêu cầu nhân viên dịch vụ bảo vệ sử dụng vũ lực hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

- Thuê dịch vụ bảo vệ nhằm mục đích đe dọa, cản trở hoặc gây khó khăn cho hoạt động bình thường, hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác như sau:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hành nghề trong thời hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, nếu hành vi vi phạm là: Sử dụng nhân viên dịch vụ bảo vệ

chưa qua đào tạo, chưa được cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hành nghề trong thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng, nếu hành vi vi phạm là:

- Hoạt động kinh doanh không đúng ngành, nghề và dịch vụ khác ngoài dịch vụ bảo vệ;

- Kinh doanh dịch vụ bảo vệ mà không có giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

- Tiến hành các hoạt động vũ trang, hoạt động điều tra, thám tử tư dưới mọi hình thức;

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ nhưng không ký hợp đồng với cá nhân, tổ chức thuê dịch vụ.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hành nghề, nếu hành vi vi phạm là: Thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ để cho người khác kinh doanh.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện, nếu hành vi vi phạm là: Trang bị các trang phục, biển hiệu, cấp hiệu, mũ cho nhân viên dịch vụ bảo vệ trái quy định.

Câu hỏi 19: Những hình thức xử phạt nào được pháp luật cho áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về tổ tụng hình sự, thi hành các biện pháp xử lý hành chính khác?

Trả lời: Theo Điều 17 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm các quy định về tố tụng hình sự, thi hành các biện pháp xử lý hành chính khác sẽ bị xử phạt như sau:

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục; đưa vào cơ sở chữa bệnh.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Vi phạm các quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn như: bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm hoặc có các hành vi vi phạm các biện pháp ngăn chặn khác theo quy định của pháp luật;

b) Vi phạm nghĩa vụ của người tham gia tố tụng như: không cung cấp tài liệu, vật chứng theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan và người tiến hành tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của người làm chứng, người phiên dịch, người bào chữa, người có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án; vi phạm các quy định về bảo quản vật chứng, niêm phong, kê biên tài sản hoặc có các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

c) Vi phạm quy định về tạm giam, tạm giữ; về thi hành án hình sự bao gồm: án treo, quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành

nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân, trục xuất, cải tạo không giam giữ, thi hành án phạt tù; về thi hành hình phạt tiền, hình phạt tịch thu tài sản;

d) Không chấp hành hoặc cản trở việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về dân sự, hành chính, lao động, hôn nhân và gia đình hoặc có các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 20: Theo quy định của pháp luật, những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác?

Trả lời: Đối với hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác, pháp luật quy định hình thức xử phạt như sau:

1. Theo Điều 18 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

- Trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để

chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Sử dụng trái phép tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Sách nhiễu, gây phiền hà cho người khác khi bốc vác, chuyên chở, giữ hành lý ở các bến tàu, bến xe, sân bay, bến cảng, ga đường sắt và nơi công cộng khác.

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Gây mất mát, hư hỏng hoặc làm thiệt hại tài sản của Nhà nước được giao trực tiếp quản lý nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Dùng thủ đoạn hoặc tạo ra hoàn cảnh để buộc người khác đưa tiền, tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Gian lận hoặc lừa đảo trong việc môi giới, hướng dẫn giới thiệu dịch vụ mua, bán nhà, đất hoặc các tài sản khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Mua, bán, cất giữ hoặc sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Chiếm giữ trái phép tài sản của người khác

nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, người vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, nếu hành vi vi phạm là:

a) Trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Sử dụng trái phép tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Dùng thủ đoạn hoặc tạo ra hoàn cảnh để buộc người khác đưa tiền, tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Mua, bán, cất giữ hoặc sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Chiếm giữ trái phép tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Người vi phạm còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính gây ra, nếu hành vi vi phạm là:

- Trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Gây mất mát, hư hỏng hoặc làm thiệt hại tài sản của Nhà nước được giao trực tiếp quản lý nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Dùng thủ đoạn hoặc tạo ra hoàn cảnh để buộc người khác đưa tiền, tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Gian lận hoặc lừa đảo trong việc môi giới, hướng dẫn giới thiệu dịch vụ mua, bán nhà, đất hoặc các tài sản khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Chiếm giữ trái phép tài sản của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Câu hỏi 21: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự?

Trả lời: Đối với các hành vi nêu trên, pháp luật quy định hình thức xử phạt như sau:

1. Theo Điều 19 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tự ý xê dịch, tháo dỡ, phá hủy hoặc làm bất cứ việc gì khác gây hư hại đến các loại biển báo, biển chỉ dẫn, biển hiệu của cơ quan, tổ chức.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tự ý xê dịch, tháo dỡ cột dây điện thoại, điện tín, cột đèn, hàng rào của các cơ quan nhà nước hoặc các công trình công cộng khác.

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình an ninh, trật tự.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

Câu hỏi 22: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cư trú và đi lại?

Trả lời: Đối với các hành vi nêu trên, pháp luật quy định hình thức xử phạt như sau:

1. Theo Điều 20 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cư trú và đi lại sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi người nước ngoài đi lại trên lãnh thổ Việt Nam mà không mang theo hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu; không xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ khác thay hộ chiếu khi người có thẩm quyền yêu cầu kiểm tra.

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Làm mất, hư hỏng hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu, thị thực Việt Nam, thẻ tạm trú, thẻ thường trú mà không khai báo ngay với cơ quan có thẩm quyền;

- Tẩy, xóa, sửa chữa hoặc làm sai lệch hình thức, nội dung ghi trong hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu, thị thực, thẻ tạm trú và thẻ thường trú;

- Khai không đúng sự thật để được cấp hộ chiếu, giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu, thị thực Việt Nam, thẻ tạm trú, thẻ thường trú; dùng hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu mà không còn giá trị để nhập cảnh, xuất cảnh;

- Người nước ngoài đi vào các khu vực cấm, các khu vực Nhà nước quy định cần có giấy phép mà không có giấy phép hoặc đi lại quá phạm vi, thời hạn được phép;

- Không xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu hoặc giấy tờ có liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh khi nhà chức trách Việt Nam yêu cầu; không chấp hành các yêu cầu khác của nhà chức trách Việt Nam về kiểm tra người, hành lý theo quy định của pháp luật;

- Người nước ngoài không khai báo tạm trú theo quy định hoặc sử dụng chứng nhận tạm trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú ở Việt Nam quá thời hạn từ 15 ngày trở xuống mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

- Cơ sở cho người nước ngoài nghỉ qua đêm nhưng không chuyển nội dung khai báo tạm trú, không hướng dẫn người nước ngoài khai báo tạm trú theo quy định hoặc không thực hiện đúng các quy định khác của cơ quan có thẩm quyền.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh không có hộ chiếu, thị thực hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và thị thực theo quy định;

- Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định;

- Trốn hoặc tổ chức, giúp đỡ người khác trốn

vào các phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh nhằm mục đích vào Việt Nam hoặc ra nước ngoài;

- Cho người khác sử dụng hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu;

- Sử dụng hộ chiếu, các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của người khác để nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh;

- Người nước ngoài không khai báo tạm trú theo quy định hoặc sử dụng chứng nhận tạm trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú ở Việt Nam quá thời hạn từ 16 ngày trở lên mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

- Người nước ngoài đã được cấp thẻ thường trú, chuyển địa chỉ mà không khai báo để thực hiện việc cấp đổi lại.

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Chủ phương tiện, người điều khiển các loại phương tiện chuyên chở người nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam trái phép;

- Sử dụng hộ chiếu giả, giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu giả, thị thực giả, thẻ tạm trú giả, thẻ thường trú giả, dấu kiểm chứng giả để xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

- Giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người khác đi nước ngoài, ở lại nước ngoài, vào

Việt Nam, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép;

- Người nước ngoài nhập cảnh, hành nghề hoặc có hoạt động khác tại Việt Nam mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Cá nhân, tổ chức ở Việt Nam bảo lãnh hoặc làm thủ tục cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, xin cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, gia hạn tạm trú nhưng không thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định của pháp luật hoặc khai không đúng sự thật khi bảo lãnh, mời hoặc làm thủ tục cho người nước ngoài nhập cảnh, xin cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, gia hạn tạm trú.

e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu, thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú;

- Làm giả hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay hộ chiếu, thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú hoặc dấu kiểm chứng;

- Trốn vào đại sứ quán, lãnh sự quán hoặc trụ sở cơ quan, tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam;

- Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền;

- Tổ chức, đưa dẫn hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam trái phép.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tịch thu hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

Câu hỏi 23: Pháp luật quy định như thế nào về hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy?

Trả lời: Pháp luật quy định về hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi nêu trên như sau:

1. Theo Điều 21 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi hút, tiêm chích, hít hoặc bằng các hình thức khác để sử dụng trái phép chất ma túy.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt chất ma túy trái phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Tàng trữ, vận chuyển, mua, bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Người chủ hoặc người có trách nhiệm quản lý nhà hàng, khách sạn, quán trọ, nhà nghỉ, câu lạc bộ, các phương tiện giao thông và các nơi khác do sơ hở, thiếu trách nhiệm để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực, phương tiện mình quản lý;

- Trồng các loại cây thuốc phiện, cây cần sa, cây cô ca hoặc các cây khác có chứa chất ma túy.

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Sản xuất, mua, bán dụng cụ tiêm, chích, hút, sử dụng chất ma túy;

- Cung cấp địa điểm, phương tiện cho người khác hút, tiêm, chích, sử dụng chất ma túy;

- Môi giới, giúp đỡ, tạo điều kiện hoặc bằng các hình thức khác giúp cho người khác tiêm, chích, hút, sử dụng chất ma túy;

- Kê đơn, cấp thuốc hoặc mua, bán các loại thuốc có chứa chất ma túy không đúng quy định;

- Được phép cất giữ, sử dụng thuốc có chất ma túy, chất hướng thần hoặc các chất ma túy khác mà chuyển cho người không được phép cất giữ, sử dụng.

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi vi phạm sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh các chất có chứa chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất ma túy;

- Vi phạm các quy định về nghiên cứu, giám định, sản xuất, bảo quản chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất ma túy;

- Vi phạm các quy định về giao nhận, tàng trữ, vận chuyển chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất ma túy;

- Vi phạm các quy định về phân phối, mua, bán, sử dụng, trao đổi chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất ma túy;

- Vi phạm các quy định về quản lý, kiểm soát, lưu giữ chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trên biển.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm. Nếu là một trong các hành vi sau đây thì còn bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng:

a) Tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt chất ma túy trái phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sản xuất, mua, bán dụng cụ tiêm, chích, hút, sử dụng chất ma túy;

c) Cung cấp địa điểm, phương tiện cho người khác hút, tiêm, chích, sử dụng chất ma túy;

d) Môi giới, giúp đỡ, tạo điều kiện hoặc bằng các hình thức khác giúp cho người khác tiêm, chích, hút, sử dụng chất ma túy;

đ) Kê đơn, cấp thuốc hoặc mua, bán các loại thuốc có chứa chất ma túy không đúng quy định;

e) Được phép cất giữ, sử dụng thuốc có chất ma túy, chất hướng thần hoặc các chất ma túy khác mà chuyển cho người không được phép cất giữ, sử dụng.

Câu hỏi 24: Hành vi mại dâm và liên quan đến hoạt động mại dâm bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

1. Theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 73, hành vi mại dâm và liên quan đến hoạt động mại dâm bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi lạm dụng tình dục.

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi cung cấp địa điểm cho hoạt động mại dâm nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Dẫn dắt hoạt động mại dâm;

- Che giấu, bảo kê cho các hành vi mua dâm, bán dâm.

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Tái phạm việc mua dâm, bán dâm hoặc che giấu, bảo kê cho các hành vi mua dâm, bán dâm;

- Dùng các thủ đoạn khống chế, đe dọa người mua dâm, bán dâm để đòi tiền, cưỡng đoạt tài sản.

2. Các hành vi vi phạm khác về phòng, chống mại dâm thì bị xử lý theo Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quy định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống mại dâm.

3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, người vi phạm còn bị tịch thu toàn bộ số tiền do vi phạm hành chính mà có.

Câu hỏi 25: Ngoài những hành vi được quy định tại Nghị định số 73, các hành vi khác liên quan đến phòng, chống mại dâm được xử lý theo quy định nào?

Trả lời: Ngoài các hành vi được quy định tại Nghị định số 73, các hành vi vi phạm khác về phòng, chống mại dâm bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một

số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm (sau đây viết tắt là Nghị định số 178). Cụ thể như sau:

a) Xử lý vi phạm hành chính đối với người có hành vi mua dâm

Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 178, người có hành vi mua dâm sẽ bị xử phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; nếu mua dâm nhiều người cùng một lúc sẽ bị xử phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với trường hợp mua dâm có tính chất đồi trụy hoặc lôi kéo, ép buộc người khác cùng mua dâm.

b) Xử lý vi phạm đối với người có hành vi bán dâm

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 178, người có hành vi bán dâm sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng; nếu bán dâm cho nhiều người cùng một lúc sẽ bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Mức phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng sẽ được áp dụng trong trường hợp bán dâm có tính chất đồi trụy.

Người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 14 tuổi trở lên, có nơi cư trú nhất định thì bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 16 tuổi trở lên, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại

xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở chữa bệnh thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Người bán dâm là người nước ngoài thì tùy từng trường hợp mà bị xử phạt hành chính như đối với người Việt Nam và bị trục xuất.

c) Xử lý đối với người có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến mại dâm

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 178, người có hành vi lợi dụng uy tín để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm; đe dọa dùng vũ lực để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm; môi giới mại dâm nhưng không thường xuyên; góp vốn để sử dụng vào mục đích hoạt động mại dâm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Nếu lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm hoặc dùng vũ lực để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm thì bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Người có hành vi góp vốn để sử dụng vào mục đích hoạt động mại dâm thì ngoài việc bị xử phạt

tiền, còn bị tịch thu số vốn đã góp để sử dụng vào mục đích hoạt động mại dâm.

d) Xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân lợi dụng kinh doanh, dịch vụ để hoạt động mại dâm

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 178, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi sử dụng việc mua dâm, bán dâm và các hoạt động tình dục khác làm phương thức kinh doanh hoặc dùng các thủ đoạn khống chế, đe dọa người mua dâm, bán dâm để cưỡng đoạt tài sản, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Nếu người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ do thiếu tinh thần trách nhiệm để hoạt động mại dâm xảy ra ở cơ sở do mình quản lý mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Câu hỏi 26: Những hình thức xử phạt vi phạm hành chính nào được áp dụng đối với hành vi đánh bạc trái phép?

Trả lời: Đối với hành vi đánh bạc trái phép, pháp luật có hình thức xử phạt vi phạm hành chính sau:

1. Theo Điều 23 Nghị định số 73, tùy theo tính

chất, mức độ vi phạm, hành vi đánh bạc trái phép sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi mua các ô số lô, số đề nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi đánh bạc sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Đánh bạc trái phép bằng một trong các hình thức như xóc đĩa, tá lả, tổ tôm, tú lơ khơ, tam cúc, 3 cây, tứ sắc, đỏ đen, cờ thế hoặc các hình thức khác mà được, thua bằng tiền, hiện vật;

- Đánh bạc bằng máy, trò chơi điện tử trái phép;

- Cá cược “cá độ” bằng tiền hoặc dưới các hình thức khác trong hoạt động thi đấu thể thao, vui chơi giải trí, các hoạt động khác;

- Bán thơ đề, bán số lô, số đề.

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Nhận gửi tiền, cầm đồ, cho vay tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác;

- Làm bảo vệ trái phép tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác hoặc che giấu việc đánh bạc trái phép;

- Làm thơ đề.

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tổ chức đánh

bạc sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác để đánh bạc trái phép;

- Dùng nhà của mình hoặc địa điểm khác để chứa bạc, gá bạc;

- Đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử trái phép;

- Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép.

đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tổ chức đánh đề sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Làm chủ lô, đề;

- Tổ chức sản xuất, phát hành bảng đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề;

- Tổ chức mạng lưới bán số lô, số đề;

- Tổ chức các loại chơi cá cược “cá độ” trong hoạt động thi đấu thể dục, thể thao, vui chơi giải trí hoặc dưới các hoạt động khác để đánh bạc, ăn tiền.

2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, người vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện và tịch thu tiền do vi phạm hành chính mà có, nếu hành vi vi phạm là:

a) Hành vi mua các ô số lô, số đề nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Đánh bạc trái phép bằng một trong các hình thức như xóc đĩa, tá lả, tổ tôm, tú lơ khơ, tam cúc, 3 cây, tứ sắc, đổ đen, cờ thẻ hoặc các hình

thức khác mà được, thua bằng tiền, hiện vật;

c) Đánh bạc bằng máy, trò chơi điện tử trái phép;

d) Cá cược “cá độ” bằng tiền hoặc dưới các hình thức khác trong hoạt động thi đấu thể thao, vui chơi giải trí, các hoạt động khác;

đ) Bán thơ đề, bán số lô, số đề;

e) Nhận gửi tiền, cầm đồ, cho vay tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác;

g) Làm thơ đề;

h) Dùng nhà của mình hoặc địa điểm khác để chứa bạc, gá bạc;

i) Đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử trái phép;

k) Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép;

l) Làm chủ lô, đề;

m) Tổ chức sản xuất, phát hành bảng đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề;

n) Tổ chức mạng lưới bán số lô, số đề;

o) Tổ chức các loại chơi cá cược “cá độ” trong hoạt động thi đấu thể dục, thể thao, vui chơi giải trí hoặc dưới các hoạt động khác để đánh bạc, ăn tiền.

Câu hỏi 27: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về bán, sử dụng rượu, bia?

Trả lời: Hành vi vi phạm quy định về bán, sử dụng rượu, bia, pháp luật có các hình thức xử phạt như sau:

1. Theo Điều 24 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định

về bán, sử dụng rượu, bia sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi say rượu, bia ở công sở, nơi làm việc, trong các khách sạn, nhà hàng, quán ăn, trên các phương tiện giao thông và những nơi công cộng.

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Xúi giục, cưỡng ép, tạo điều kiện cho trẻ em dưới 16 tuổi uống rượu, bia;

- Chủ khách sạn, nhà hàng, quán ăn bán các loại rượu, nước uống hoặc các chất kích thích khác có nồng độ cồn từ 14 độ trở lên cho người chưa thành niên; bán rượu, bia cho trẻ em dưới 16 tuổi;

- Bán rượu, bia, các chất kích thích khác có nồng độ cồn từ 14 độ trở lên tại các trường phổ thông;

- Uống rượu, bia trong các trường phổ thông.

2. Các hành vi vi phạm khác về sản xuất, kinh doanh rượu thì bị xử lý theo Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh rượu.

3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, nếu hành vi vi phạm là:

- Chủ khách sạn, nhà hàng, quán ăn bán các loại rượu, nước uống hoặc các chất kích thích khác có nồng độ cồn từ 14 độ trở lên cho người chưa thành niên; bán rượu, bia cho trẻ em dưới 16 tuổi;
- Bán rượu, bia, các chất kích thích khác có nồng độ cồn từ 14 độ trở lên tại các trường phổ thông;
- Uống rượu, bia trong các trường phổ thông.

Câu hỏi 28: Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước?

Trả lời: Hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước được pháp luật quy định như sau:

1. Theo Điều 25 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Không đóng dấu độ mật đối với những tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định hoặc đóng dấu độ mật vào những tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước;
- Soạn thảo, in ấn, sao chụp tài liệu mật, tối mật, tuyệt mật không đúng quy định;
- Phổ biến, nghiên cứu thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước không theo đúng quy định;

- Không thực hiện đúng quy định về vận chuyển, giao nhận vật mang bí mật nhà nước;

- Không thực hiện đúng quy định về thống kê, cất giữ, bảo quản tài liệu, vật thuộc danh mục bí mật nhà nước;

- Không đánh số, đặt bí số, bí danh hoặc ký hiệu mật và không tổ chức thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, bảo vệ theo quy định đối với những danh mục xác định thuộc phạm vi bí mật nhà nước;

- Không thực hiện các quy định về công bố, phổ biến, lưu hành, tìm hiểu, sử dụng danh mục bí mật nhà nước;

- Thanh lý, tiêu hủy các tài liệu mật không theo đúng quy định;

- Vào khu vực cấm, nơi bảo quản, lưu giữ, nơi tiến hành các hoạt động có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước mà không được phép;

- Quay phim, chụp ảnh, vẽ sơ đồ ở khu vực cấm.

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Cung cấp thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, công dân trong và ngoài nước không đúng theo quy định;

- Mang tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước ra nước ngoài mà không được phép của cơ quan và người có thẩm quyền;

- Không lập danh mục bí mật nhà nước theo đúng quy định.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, nếu hành vi vi phạm là:

- a) Quay phim, chụp ảnh, vẽ sơ đồ ở khu vực cấm;
- b) Mang tài liệu, vật thuộc phạm vi bí mật nhà nước ra nước ngoài mà không được phép của cơ quan và người có thẩm quyền.

3. Người vi phạm bị buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu do vi phạm hành chính gây ra, nếu hành vi vi phạm là:

- a) Không đóng dấu độ mật đối với những tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định hoặc đóng dấu độ mật vào những tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước;

- b) Không thực hiện đúng quy định về vận chuyển, giao nhận vật mang bí mật nhà nước;

- c) Không thực hiện đúng quy định về thống kê, cất giữ, bảo quản tài liệu, vật thuộc danh mục bí mật nhà nước;

- d) Không đánh số, đặt bí số, bí danh hoặc ký hiệu mật và không tổ chức thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, bảo vệ theo quy định đối với những danh mục xác định thuộc phạm vi bí mật nhà nước;

- đ) Không thực hiện các quy định về công bố, phổ biến, lưu hành, tìm hiểu, sử dụng danh mục bí mật nhà nước;

e) Thanh lý, tiêu hủy các tài liệu mật không theo đúng quy định;

g) Không lập danh mục bí mật nhà nước theo đúng quy định.

4. Người vi phạm buộc phải tiêu hủy các tài liệu mật đối với hành vi: vào khu vực cấm, nơi bảo quản, lưu giữ, nơi tiến hành các hoạt động có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước mà không được phép.

Câu hỏi 29: Pháp luật quy định như thế nào về hình thức xử phạt vi phạm hành chính áp dụng đối với hành vi đưa hối lộ người thi hành công vụ?

Trả lời: Theo Điều 26 Nghị định số 73, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho người thi hành công vụ để trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị tịch thu toàn bộ số tiền, tài sản hoặc vật chất dùng để hối lộ người thi hành công vụ.

Câu hỏi 30: Người nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất trong những trường hợp nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 73, người nước ngoài có thể bị áp dụng hình thức xử phạt trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nếu thực hiện hành vi vi phạm thuộc các nhóm sau:

1. Tổ chức, tạo điều kiện cho người khác kết hôn với người nước ngoài trái với thuần phong mỹ tục hoặc trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp);

2. Vi phạm các quy định về quản lý một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự được quy định tại Điều 14 Nghị định số 73;

3. Vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu được quy định tại Điều 15 Nghị định số 73;

4. Hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác được quy định tại Điều 18 Nghị định số 73;

5. Hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự được quy định tại Điều 19 Nghị định số 73;

6. Vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cư trú và đi lại được quy định tại Điều 20 Nghị định số 73;

7. Vi phạm các quy định về phòng, chống và

kiểm soát ma túy được quy định tại Điều 21 Nghị định số 73;

8. Hành vi mại dâm và liên quan đến hoạt động mại dâm được quy định tại Điều 22 Nghị định số 73;

9. Hành vi đánh bạc trái phép được quy định tại Điều 23 Nghị định số 73.

III- VỀ THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ

Câu hỏi 31: Những cơ quan và chức danh nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự?

Trả lời: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định trong Chương III Nghị định số 73 (từ Điều 28 đến Điều 32). Theo đó, các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bao gồm: cơ quan Công an (Điều 28), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 29) và các cơ quan khác, bao gồm các chức danh quy định tại các điều 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, như: Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Quản lý thị trường, v.v.. Các cơ quan này trong

khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 73 thì có quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 32: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự của lực lượng Công an nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời: Căn cứ quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 28 Nghị định số 73, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự của Công an nhân dân được quy định như sau:

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có trị giá đến 2.000.000 đồng;
- d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu do vi phạm hành chính gây ra;

đ) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

e) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

4. Trưởng Công an cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

g) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

5. Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự (bao gồm Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát 113), Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao

thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Quản lý xuất, nhập cảnh, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra; buộc tiêu hủy vật phẩm độc hại.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra; buộc tiêu hủy vật phẩm độc hại.

e) Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Công an.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát bảo vệ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục Quản lý xuất, nhập cảnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa được quy định tại Nghị định số 73;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra; buộc tiêu hủy vật phẩm độc hại.

8. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất; Cục trưởng Cục Quản lý xuất, nhập cảnh, Giám đốc Công an cấp tỉnh ra quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất đối với những trường hợp được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp.

Câu hỏi 33: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như thế nào?

Trả lời: Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 29 Nghị định số 73, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

đ) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

e) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

g) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa được quy định tại Nghị định số 73;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

g) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện;

h) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

Câu hỏi 34: Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự có được uỷ quyền cho người khác xử phạt không? Trong Công an nhân dân, những chức danh nào có thể uỷ quyền xử phạt?

Trả lời: Theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, người có chức danh từ đội trưởng, trạm trưởng hoặc tương đương trở lên thuộc các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thể uỷ quyền cho cấp phó của mình thực hiện thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ quy định tại Điều 41 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 31 Nghị định số 73 thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 9 của Điều 28; Điều 29 của Nghị định này có thể uỷ quyền cho cấp phó của mình ra quyết định xử phạt. Người được uỷ quyền xử phạt phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Theo đó, các chức danh có thể uỷ quyền cho cấp phó của mình ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bao gồm:

- Trạm trưởng, đội trưởng của chiến sĩ Công an nhân dân;

- Trưởng Công an cấp xã;

- Trưởng Công an cấp huyện;

- Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự (bao gồm Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát 113), Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Quản lý xuất, nhập cảnh, Thủ

trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất;

- Giám đốc Công an cấp tỉnh;

- Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát bảo vệ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục Quản lý xuất, nhập cảnh; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường.

Cần lưu ý là, theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (Điều 41) và Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16-12-2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính sửa đổi (Điều 16), việc uỷ quyền xử lý vi phạm hành chính chỉ được thực hiện đối với cấp phó trực tiếp và phải thực hiện bằng văn bản. Người được uỷ quyền có quyền xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền của cấp trưởng, không được uỷ quyền tiếp cho bất kỳ

cá nhân nào khác và phải chịu trách nhiệm về quyết định xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện.

Câu hỏi 35: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được xác định dựa trên những nguyên tắc nào?

Trả lời: Căn cứ quy định tại Điều 42 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 15 Nghị định số 128 và Điều 32 Nghị định số 73, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được xác định theo những nguyên tắc dưới đây:

a) Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo mức tối đa của khung tiền phạt

Phạt tiền là hình thức xử phạt vi phạm hành chính phổ biến, được áp dụng để xử lý hầu hết các hành vi vi phạm hành chính. Mặt khác, tất cả các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nói chung, trong lĩnh vực an ninh, trật tự nói riêng đều có quyền áp dụng hình thức phạt tiền, chỉ khác nhau ở mức phạt tiền tối đa có thể áp dụng; do đó, việc phân định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở mức tối đa của khung tiền phạt có ý nghĩa rất quan trọng và được coi là một nguyên tắc cơ bản. Nguyên tắc này cho phép phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm

hành chính giữa các chức danh có thẩm quyền xử phạt trong cùng lĩnh vực quản lý nhà nước (ví dụ: phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính giữa chiến sĩ Công an nhân dân với Đội trưởng, Trạm trưởng của mình; giữa Trưởng Công an cấp xã với Trưởng Công an cấp huyện, v.v..).

Nội dung của nguyên tắc này là, trong trường hợp áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính là phạt tiền, thì việc xác định thẩm quyền xử phạt căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm hành chính cụ thể. Vấn đề quan trọng cần lưu ý khi áp dụng nguyên tắc này là: thẩm quyền xử phạt ở đây được hiểu là *thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính*, chứ không phải là *thẩm quyền trong mỗi lần ban hành quyết định xử phạt*. Đây là điểm mới được bổ sung rất có ý nghĩa thực tiễn trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính hiện hành. Theo nguyên tắc này, khi tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với một người thực hiện nhiều vi phạm hành chính, để xác định xem mình có thẩm quyền xử phạt hay không, người áp dụng pháp luật chỉ cần xét xem từng hành vi vi phạm hành chính cần xử phạt có thuộc thẩm quyền xử phạt của mình hay không, mà không phụ thuộc vào mức tiền phạt được tổng hợp khi ra quyết định xử phạt đối với tất cả các hành vi vi phạm của người đó.

b) Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền quản lý

Ở phạm vi rộng, nguyên tắc này cho phép phân định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính giữa hệ thống Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành. Theo nguyên tắc này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với mọi vi phạm hành chính xảy ra trên địa bàn quản lý của mình. Theo đó, trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, nếu các hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều chức danh thuộc các ngành khác nhau thì thẩm quyền xử phạt sẽ được xác định thuộc về Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền nơi xảy ra vi phạm. Đối với các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc các ngành chuyên môn như: Công an, Bộ đội biên phòng, Hải quan, v.v. thì có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình.

Trong lĩnh vực an ninh, trật tự, nguyên tắc này được quy định cụ thể hơn. Theo đó, trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt thuộc Công an nhân dân đang xử lý đối với cá nhân, tổ chức có vi phạm về an ninh, trật tự theo Nghị định số 73 mà phát hiện cá nhân, tổ chức đó còn có hành vi vi phạm hành chính được quy định trong các nghị định khác của Chính phủ thì có thẩm quyền xử

phạt vi phạm hành chính về hành vi đó. Quy định này là cơ sở pháp lý để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự giải quyết nhanh chóng, triệt để vụ vi phạm; đồng thời, ngăn chặn hiện tượng lạm dụng quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Câu hỏi 36: Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 73, khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, người có thẩm quyền xử phạt phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm. Việc xử phạt được tiến hành theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Đối với vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 200.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt tại chỗ theo thủ tục đơn giản được quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Việc xử phạt vi phạm tại chỗ không phải lập biên bản vi phạm hành chính mà ra quyết định xử phạt tại chỗ; trừ trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

b) Đối với vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt là phạt tiền trên 200.000 đồng thì người

có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản về vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 55 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 56 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; nếu vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì người đó phải chuyển biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt để ra quyết định xử phạt theo đúng quy định.

Cần lưu ý là, trong trường hợp người lập biên bản là người thi hành công vụ, nhưng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì biên bản đó phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt. Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 56 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

c) Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

d) Người chưa thành niên vi phạm hành chính từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu bị xử phạt vi

phạm hành chính là phạt tiền thì mức tiền phạt không được quá một phần hai mức phạt đối với người thành niên; trong trường hợp họ không có tiền nộp phạt thì cha, mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay.

Câu hỏi 37: Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, người có thẩm quyền được áp dụng biện pháp ngăn chặn nào?

Trả lời: Trong trường hợp cần ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm hành chính hoặc để bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự thì áp dụng các biện pháp: tạm giữ người; tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; khám người; khám phương tiện vận tải, đồ vật; khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 128.

Câu hỏi 38: Việc thu, nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như thế nào? Người vi phạm có được nộp tiền tại chỗ cho người xử phạt không?

Trả lời: Căn cứ Điều 58 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 28 Nghị định số 128, Điều 35

Nghị định số 73, cá nhân, tổ chức bị phạt tiền về vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự phải nộp tiền phạt đúng thời hạn tại Kho bạc nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt.

Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền về vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự có thể nộp tiền phạt tại chỗ trong trường hợp bị xử phạt theo thủ tục đơn giản hoặc việc xử phạt được thực hiện tại những vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn hoặc ngoài giờ hành chính.

Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp vào Kho bạc nhà nước trong thời hạn không quá bảy ngày kể từ ngày thu tiền phạt; trong trường hợp thu tiền phạt trên sông, trên biển, người thu tiền phạt phải nộp tại Kho bạc nhà nước trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày vào đến bờ. Vùng xa xôi, hẻo lánh là những vùng thuộc miền núi, hải đảo và những nơi khác không có hoặc cách quá xa Kho bạc nhà nước.

Câu hỏi 39: Nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính được quy định như thế nào? Nếu không tự nguyện chấp hành thì bị áp dụng biện pháp nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 64, Điều 65 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 27

Nghị định số 128 và Điều 37 Nghị định số 73, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt. Cá nhân bị phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định phạt tiền trong trường hợp đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế. Thời hạn hoãn không quá ba tháng kể từ khi có quyết định hoãn. Người đã ra quyết định phạt tiền có quyền quyết định hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đó.

Cá nhân bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế, có đơn đề nghị (*được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân cư trú hoặc tổ chức nơi cá nhân làm việc xác nhận*); tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế, có đơn đề nghị (*được cơ quan thuế hoặc cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước xác nhận*) thì được người đã ra quyết định xử phạt xem xét cho nộp tiền phạt nhiều lần. Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần không quá 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực; số lần nộp tiền phạt tối đa không quá ba lần và mỗi lần nộp tiền phạt tối thiểu không dưới 1/3 tổng số tiền phải nộp phạt. Số tiền chưa nộp phạt phải chịu lãi suất không kỳ hạn được tính từ thời

điểm quyết định xử phạt có hiệu lực.

Quá thời hạn thi hành quyết định xử phạt hoặc thời hạn được hoãn hoặc được nộp tiền phạt nhiều lần mà cá nhân, tổ chức không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại các điều 66, 67 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18-3-2005 quy định việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; gồm các biện pháp sau:

- Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng;
- Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá.

Ngoài các biện pháp trên, cá nhân, tổ chức vi phạm có thể bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện, buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

Cần lưu ý là, theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 73 thì khi xét thấy cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt hoặc cơ quan tiến hành xử phạt đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự có quyền thông báo công khai về hành vi vi phạm hành chính, quyết định xử phạt đến cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương nơi cá nhân, tổ chức vi phạm công tác hoặc cư trú.

Câu hỏi 40: Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự để sung quỹ nhà nước được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 60 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 4 Nghị định số 73, đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự có quy định hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt phải tiến hành tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Khi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng, chất lượng của vật, tiền, hàng hoá, phương tiện bị tịch thu và

phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến.

Trong trường hợp cần niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm thì phải tiến hành ngay trước mặt người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến; nếu người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến.

Câu hỏi 41: Trình tự, thủ tục xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bị tịch thu để bán đấu giá được quy định như thế nào?

Trả lời: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 61 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16-12-2008, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24-7-2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 22/2009/NĐ-CP ngày 24-2-2009 thì tang vật, phương tiện bị tịch thu để bán đấu giá được xử lý như sau:

a) Đối với các tang vật, phương tiện bị tịch thu, bán sung quỹ nhà nước, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, cơ quan đã ra quyết định tịch thu phải chuyển giao để bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản:

- Trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền của cơ quan trung ương ra quyết định tịch thu thì giao cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh nơi xảy ra hành vi vi phạm để bán đấu giá.

- Trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền của cơ quan cấp tỉnh ra quyết định tịch thu thì giao cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh nơi cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu đóng trụ sở để bán đấu giá.

- Trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền của cơ quan cấp huyện trở xuống ra quyết định tịch thu thì thành lập Hội đồng bán đấu giá của cấp huyện để bán đấu giá.

b) Đối với tang vật, phương tiện bị tịch thu mà không bán được thì Thủ trưởng cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu quyết định thành lập Hội đồng để thanh lý tài sản trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Trung tâm bán đấu giá cấp tỉnh hoặc Hội đồng bán đấu giá cấp huyện về việc tang vật, phương tiện bị tịch thu không bán được.

Thành phần của Hội đồng thanh lý tài sản bao gồm: lãnh đạo cơ quan ra quyết định tịch thu làm Chủ tịch Hội đồng; lãnh đạo cơ quan Tài chính

cùng cấp làm Phó Chủ tịch Hội đồng. Tuỳ theo tính chất, đặc điểm của tang vật, phương tiện thanh lý và tình hình thực tế tại địa phương, người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quyết định các thành viên là đại diện cơ quan Tư pháp, Quản lý thị trường, các cơ quan chuyên môn có liên quan tham gia Hội đồng.

Câu hỏi 42: Trình tự, thủ tục xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bị tịch thu thuộc loại phải tiêu huỷ được quy định như thế nào?

Trả lời: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 61 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, tang vật, phương tiện bị tịch thu thuộc loại phải tiêu huỷ được xử lý như sau:

a) Loại tang vật, phương tiện bị tịch thu thuộc loại phải tiêu huỷ gồm: văn hoá phẩm độc hại, hàng giả không có giá trị sử dụng, vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng bị buộc tiêu huỷ hoặc tang vật, phương tiện bị tịch thu nhưng không còn giá trị sử dụng.

b) Để xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu thuộc loại phải tiêu huỷ, người có thẩm quyền phải lập Hội đồng xử lý để tiêu huỷ. Tuỳ thuộc vào tính chất của tang vật, phương tiện, thành phần Hội đồng xử lý gồm đại diện các cơ quan nhà nước hữu quan. Việc tiêu huỷ tang vật, phương tiện vi

phạm hành chính phải được lập biên bản có chữ ký của các thành viên Hội đồng xử lý.

Câu hỏi 43: Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự mà phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền xử lý như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 62 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 40 Nghị định số 73, trong trường hợp xem xét vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự để quyết định xử phạt, nếu xét thấy hành vi vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Nghiêm cấm việc giữ lại các vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với trường hợp đã ra quyết định xử phạt, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt phải huỷ quyết định đó và trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày huỷ quyết định xử phạt phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Khi áp dụng quy định này *cần lưu ý là*, đối với một số chức danh có thẩm quyền xử phạt vi

phạm hành chính theo quy định tại Điều 31 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính như: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy... (ở Công an cấp tỉnh); Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy... (ở Bộ Công an) thì việc chuyển hồ sơ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định nêu trên thực chất là thay đổi tư cách pháp lý của người thụ lý và giải quyết vụ việc; bởi vì, người đứng đầu các cơ quan này là người tiến hành tố tụng.

Phần thứ hai

**HỎI - ĐÁP VỀ XỬ PHẠT
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

**I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Câu hỏi 44: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy là gì? Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật nào?

Trả lời: Theo quy định của Nghị định số 123/2005/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2005 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy thì vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy là hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy do cá nhân, tổ chức thực hiện

một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy là một dạng của vi phạm hành chính; do đó, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy phải tuân thủ những quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 123/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể là, các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh sửa đổi một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 08-3-2007 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02-4-2008 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính);

- Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 128);

- Nghị định số 123/2005/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2005 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi tắt là Nghị định số 123).

Câu hỏi 45: Đối tượng nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 2 Nghị định số 123 thì đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy bao gồm:

a) Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy. Cá nhân là người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy thì bị xử lý theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; cụ thể là:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì bị phạt cảnh cáo;

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính thì có thể bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính như đối với người đã thành niên; tuy nhiên, khi phạt tiền đối với họ thì mức tiền phạt không được quá một phần hai mức phạt đối với người thành niên; trong trường hợp họ không có tiền nộp phạt thì cha, mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay;

- Người chưa thành niên vi phạm hành chính gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Câu hỏi 46: Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được áp dụng theo nguyên tắc nào?

Trả lời: Theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 123, việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải được tiến hành nhanh chóng, khách quan, triệt để. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

b) Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy khi thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 123 hoặc các nghị định khác của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành

chính có liên quan đến lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

c) Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy phải do người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định số 123 tiến hành theo quy định của pháp luật.

d) Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt hành chính một lần. Cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt từng hành vi vi phạm. Nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi cá nhân, tổ chức vi phạm đều bị xử phạt.

đ) Khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân của người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, mức xử phạt và các biện pháp xử lý thích hợp theo quy định của Nghị định số 123. Những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

e) Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Câu hỏi 47: Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy sẽ bị áp dụng những hình thức xử phạt nào?

Trả lời: Theo quy định của pháp luật, người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy sẽ bị áp dụng những hình thức xử phạt như sau:

a) Theo Điều 5 Nghị định số 123, đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Điểm a, khoản 2, Điều 14 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy là 30.000.000 đồng.

b) Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

c) Ngoài hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung nêu trên, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, bao gồm:

- Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra;

- Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

- Buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra;

- Buộc di chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ do vi phạm hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định;

- Các biện pháp khắc phục hậu quả khác theo quy định của Nghị định số 123.

Câu hỏi 48: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được quy định như thế nào?

Trả lời: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được quy định như sau:

a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là một khoảng thời gian do pháp luật quy định mà hết thời hạn đó, cơ quan có thẩm quyền mới phát hiện được hành vi vi phạm hành chính thì người vi phạm không bị xử phạt. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính không áp dụng đối với trường hợp người vi phạm thực hiện hành vi vi phạm mới trong cùng lĩnh vực, cố tình trốn tránh hoặc cản trở việc xử phạt.

b) Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 123, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh

vực phòng cháy và chữa cháy là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện. Nếu quá thời hạn nêu trên thì không bị xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Câu hỏi 49: Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy trong thời gian bao lâu thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 4 Nghị định số 123, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

Câu hỏi 50: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy gồm những loại hành vi nào?

Trả lời: Theo quy định tại Chương II Nghị định số 123, vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy gồm các nhóm hành vi sau:

- Hành vi vi phạm trong việc ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy;

- Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy;

- Hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, bảo quản và sử dụng chất nguy hiểm về cháy, nổ;

- Hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sản xuất, kinh doanh chất nguy hiểm về cháy, nổ;

- Hành vi vi phạm quy định trong vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ;

- Hành vi vi phạm điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy;

- Hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt;

- Hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, sử dụng điện;

- Hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng;

- Hành vi vi phạm quy định về khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy và ngăn cháy;

- Hành vi vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy;

- Hành vi vi phạm về xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy;

- Hành vi vi phạm về thông tin báo cháy;

- Hành vi vi phạm về trang bị, bảo quản và sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
- Hành vi vi phạm về công tác chữa cháy;
- Hành vi vi phạm về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, học tập, bồi dưỡng và huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy;
- Hành vi vi phạm về thành lập, tổ chức, quản lý lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;
- Hành vi vi phạm quy định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy và thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
- Hành vi vi phạm về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
- Hành vi cá nhân, tổ chức để xảy ra cháy, nổ.

II- VỀ NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM CỤ THỂ VÀ HÌNH THỨC XỬ PHẠT TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Câu hỏi 51: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm trong việc ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 8 Nghị định

số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm trong việc ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Hành vi bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng gồm:

- Không niêm yết nội quy về phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

- Thay đổi, dịch chuyển làm sai vị trí niêm yết nội quy, vị trí để biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng là: không phổ biến quy định và nội quy về phòng cháy và chữa cháy cho những người trong phạm vi quản lý của mình.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng là: không có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy tại những vị trí cần thiết theo quy định.

d) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Không ban hành quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

- Ban hành quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy trái với các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước;

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị buộc

khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra, nếu hành vi vi phạm là: thay đổi, dịch chuyển làm sai vị trí niêm yết nội quy, vị trí để biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy.

Câu hỏi 52: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy sẽ bị xử phạt như sau:

a) *Hành vi bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng là:* không xuất trình đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ cho kiểm tra hoặc không cử người có trách nhiệm để tham gia đoàn kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

b) *Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng là:* không tổ chức kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

Câu hỏi 53: Pháp luật quy định những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, bảo quản và sử dụng chất nguy hiểm về cháy, nổ?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, bảo quản và sử dụng chất nguy hiểm về cháy, nổ sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng gồm:

- Không có quy định về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất nguy hiểm cháy, nổ của chất nguy hiểm về cháy, nổ trong quá trình xuất, nhập chất đó;

- Sử dụng trái phép chất nguy hiểm về cháy, nổ.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng là: bố trí, sắp xếp chất nguy hiểm về cháy, nổ vượt quá số lượng hoặc khối lượng quy định.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Bố trí, sắp xếp chất nguy hiểm về cháy, nổ không theo từng nhóm riêng theo quy định;

- Sử dụng thiết bị, phương tiện chứa chất nguy hiểm về cháy, nổ chưa được kiểm định hoặc đã hết hạn sử dụng theo quy định;

- Sử dụng kho, thiết bị chứa chất nguy hiểm về cháy, nổ không bảo đảm các điều kiện về phòng

cháy và chữa cháy theo quy định.

d) Hành vi bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng là: tàng trữ trái phép chất nguy hiểm về cháy, nổ.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng biện pháp xử lý khác như sau:

a) Buộc giảm khối lượng, số lượng chất nguy hiểm về cháy, nổ theo định mức quy định, nếu hành vi vi phạm là: bố trí, sắp xếp chất nguy hiểm về cháy, nổ vượt quá số lượng hoặc khối lượng quy định.

b) Buộc sắp xếp lại chất nguy hiểm về cháy, nổ theo từng nhóm riêng theo quy định, nếu hành vi vi phạm là: bố trí, sắp xếp chất nguy hiểm về cháy, nổ không theo từng nhóm riêng theo quy định.

c) Buộc di chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ đến kho, địa điểm theo quy định, nếu hành vi vi phạm là: sử dụng kho, thiết bị chứa chất nguy hiểm về cháy, nổ không bảo đảm các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

d) Tịch thu chất nguy hiểm về cháy, nổ, nếu hành vi vi phạm là: tàng trữ trái phép chất nguy hiểm về cháy, nổ.

Câu hỏi 54: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sản xuất, kinh doanh chất nguy hiểm về cháy, nổ?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sản xuất, kinh doanh chất nguy hiểm về cháy, nổ sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng gồm:

- Không có biện pháp, phương tiện ngăn ngừa tích tụ tĩnh điện theo quy định;

- Không có biện pháp thông gió tự nhiên hoặc thiết bị thông gió cưỡng bức theo quy định.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng là: sản xuất, kinh doanh chất nguy hiểm về cháy, nổ mà không có “Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy” theo quy định.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Không lắp đặt các thiết bị phát hiện và xử lý rò rỉ của các chất nguy hiểm về cháy, nổ ra môi trường chung quanh theo quy định;

- Không có phương án và thiết bị xử lý sự cố bực vỡ bể chứa, thiết bị, đường ống đối với các chất cháy là dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ và các chất lỏng dễ cháy khác;

- Kinh doanh chất nguy hiểm về cháy, nổ thuộc danh mục cấm kinh doanh.

d) Hành vi bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng là: sản xuất, kinh doanh trái phép chất nguy hiểm về cháy, nổ.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như sau:

a) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định, nếu hành vi vi phạm là: Không có phương án và thiết bị xử lý sự cố bụi vỡ bể chứa, thiết bị, đường ống đối với các chất cháy là dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ và các chất lỏng dễ cháy khác.

b) Tịch thu chất nguy hiểm về cháy, nổ, nếu hành vi vi phạm là:

- Kinh doanh chất nguy hiểm về cháy, nổ thuộc danh mục cấm kinh doanh;

- Sản xuất, kinh doanh trái phép chất nguy hiểm về cháy, nổ.

Câu hỏi 55: Pháp luật hiện hành quy định hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định trong vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định trong vận chuyển chất nguy

hiểm về cháy, nổ sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng gồm:

- Phương tiện giao thông cơ giới vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ không bảo đảm một trong những điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

- Sắp xếp chất nguy hiểm về cháy, nổ trên phương tiện vận chuyển không đúng theo quy định;

- Vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ vượt quá số lượng, khối lượng quy định trong giấy phép;

- Không có biển báo, ký hiệu vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định;

- Làm hư hỏng, rách nát giấy phép vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ;

- Không bóc gỡ các loại biển báo, ký hiệu vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ gắn trên phương tiện vận chuyển khi chất nguy hiểm về cháy, nổ đã được bóc, dỡ khỏi phương tiện vận chuyển.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng gồm:

- Dừng, đỗ phương tiện vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ ở những nơi không được phép theo quy định;

- Không chấp hành nội quy về phòng cháy và chữa cháy hoặc không tuân theo sự hướng dẫn của người điều hành có thẩm quyền khi bốc, dỡ chất nguy hiểm về cháy, nổ;

- Bốc, dỡ chất nguy hiểm về cháy, nổ tại địa điểm không bảo đảm các điều kiện theo quy định;

- Bốc, xếp, chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ đang trên đường vận chuyển sang phương tiện khác khi chưa được phép của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ không đúng tuyến đường quy định trong “Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ”;

- Vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ mà không có “Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ” theo quy định.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi: *vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ vượt quá số lượng, khối lượng quy định trong giấy phép* còn bị buộc giảm khối lượng, số lượng chất nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định.

Câu hỏi 56: Những hình thức xử phạt nào được pháp luật quy định áp dụng đối với hành vi vi phạm điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy sẽ bị xử phạt như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng là: chế tạo mới hoặc hoán cải phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy mà chưa được thẩm duyệt của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy và chữa cháy.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng là: đưa phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy vào hoạt động mà chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

Câu hỏi 57: Theo quy định của pháp luật, những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt sẽ bị xử phạt như sau:

a) Hành vi bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng là: bố trí nơi đun nấu không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

b) Hành vi bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng gồm:

- Sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt mà không bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

- Đem diêm, bật lửa và các thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt vào những nơi có quy định cấm lửa;

- Sử dụng nguồn lửa và các thiết bị sinh lửa,

sinh nhiệt khác ở những nơi đã có biển báo hoặc quy định cấm lửa.

Câu hỏi 58: Theo quy định của pháp luật, những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, sử dụng điện?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, sử dụng điện sẽ bị xử phạt như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng là: không có biện pháp chống cháy lan khi sử dụng thiết bị điện.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng gồm:

- Lắp đặt hệ thống chống sét không đúng quy định hoặc không bảo đảm yêu cầu chống sét theo quy định;

- Không sửa chữa hoặc không thực hiện chế độ kiểm tra, đo đếm định kỳ hệ thống chống sét theo quy định;

- Sử dụng thiết bị tiêu thụ điện ở những nơi đã có quy định cấm.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng gồm:

- Không lắp đặt hệ thống chống sét theo quy định;

- Lắp đặt, sử dụng hệ thống điện, thiết bị tiêu thụ điện trong môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

d) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Không có biện pháp xử lý những sự cố kỹ thuật có thể dẫn đến nguy cơ cháy, nổ tại cơ sở sản xuất, cung ứng, truyền tải và phân phối điện;

- Hệ thống điện không được tách riêng thành từng hệ thống theo quy định;

- Không có nguồn điện dự phòng theo quy định.

Câu hỏi 59: Những hình thức xử phạt nào theo quy định của pháp luật sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng sẽ bị xử phạt như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến

200.000 đồng là: không thông báo kịp thời cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực tiếp quản lý khi có những thay đổi về kiến trúc của công trình, quy mô, tính chất hoạt động làm tăng mức độ nguy hiểm về phòng cháy và chữa cháy.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Không tổ chức giám sát thi công, lắp đặt hạng mục phòng cháy và chữa cháy của công trình;

- Không trình thẩm duyệt lại khi có thay đổi về thiết kế và thiết bị phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công;

- Không bảo đảm một trong các điều kiện về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với công trình không thuộc diện phải thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy quy định tại Phụ lục 3 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng gồm:

- Thi công, lắp đặt hạng mục phòng cháy và chữa cháy không theo đúng thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt;

- Không có biện pháp và phương tiện bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công xây dựng công trình;

- Không nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

d) Hành vi bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng là: thi công công trình thuộc diện phải thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy mà không có “Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy”.

đ) Hành vi bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng gồm:

- Không có thiết kế hệ thống phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc diện phải có thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

- Đưa công trình vào hoạt động mà chưa được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

Câu hỏi 60: Pháp luật quy định những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy và ngăn cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy và ngăn cháy sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng gồm:

- Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hoá không đảm

bảo khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy và ngăn cháy theo quy định;

- Tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy hoặc các giải pháp chống cháy lan không bảo đảm yêu cầu theo quy định.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng gồm:

- Làm giảm tác dụng ngăn cháy của tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy và các giải pháp ngăn cháy khác;

- Làm trần, vách ngăn bằng vật liệu dễ cháy ở những nơi không được phép theo quy định;

- Làm nhà ở trong rừng hoặc ven rừng không bảo đảm khoảng cách an toàn phòng cháy theo quy định.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Không dọn sạch vật liệu dễ cháy nằm trong hành lang an toàn tuyến ống dẫn dầu mỏ, khí đốt và sản phẩm dầu mỏ;

- Không làm tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy và các giải pháp ngăn cháy khác theo quy định;

- Xây dựng công trình trong phạm vi khoảng cách ngăn cháy;

- Làm mất tác dụng ngăn cháy của tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy và các giải pháp ngăn cháy khác.

Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra như sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra, nếu hành vi vi phạm là:

- Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hoá không bảo đảm khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy và ngăn cháy theo quy định;

- Làm giảm tác dụng ngăn cháy của tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy và các giải pháp ngăn cháy khác;

- Làm mất tác dụng ngăn cháy của tường ngăn cháy, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy và các giải pháp ngăn cháy khác.

b) Buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, nếu hành vi vi phạm là:

- Làm nhà ở trong rừng hoặc ven rừng không bảo đảm khoảng cách an toàn phòng cháy theo quy định;

- Xây dựng công trình trong phạm vi khoảng cách ngăn cháy.

Câu hỏi 61: Pháp luật quy định những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Hành vi bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng gồm:

- Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hoá, phương tiện giao thông và các vật dụng khác cản trở lối thoát nạn;

- Đóng, khoá các cửa thoát nạn mà theo quy định phải thường xuyên mở;

- Tháo gỡ hoặc làm hư hỏng các thiết bị chiếu sáng sự cố, biển báo, biển chỉ dẫn trên lối thoát nạn.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng gồm:

- Không có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ cứu nạn theo quy định;

- Không có thiết bị thông gió, thoát khói theo quy định cho lối thoát nạn;

- Không có thiết bị chiếu sáng sự cố trên lối thoát nạn theo quy định hoặc có nhưng không có tác dụng.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng là: xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình cản trở lối thoát nạn.

Ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra, nếu hành vi vi phạm là:

- Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hoá, phương tiện giao thông và các vật dụng khác cản trở lối thoát nạn;

- Đóng, khoá các cửa thoát nạn mà theo quy định phải thường xuyên mở;

- Tháo gỡ hoặc làm hư hỏng các thiết bị chiếu sáng sự cố, biển báo, biển chỉ dẫn trên lối thoát nạn;

- Xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình cản trở lối thoát nạn.

Câu hỏi 62: Những hình thức xử phạt nào được pháp luật quy định áp dụng đối với hành vi vi phạm về xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm về xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy sẽ bị xử phạt như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng là: xây dựng phương án chữa cháy

không bảo đảm yêu cầu theo quy định.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng gồm:

- Không trình phê duyệt phương án chữa cháy theo quy định;

- Không bổ sung, chỉnh lý phương án chữa cháy theo quy định;

- Không tham gia thực tập phương án chữa cháy theo quy định.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Không xây dựng phương án chữa cháy theo quy định;

- Không tổ chức thực tập phương án chữa cháy theo quy định.

Câu hỏi 63: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm về thông tin báo cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm về thông tin báo cháy sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Hành vi bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng là: làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của phương tiện, thiết bị thông tin báo cháy.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng là: không có hiệu lệnh, thiết bị thông tin báo cháy theo quy định.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng là: báo cháy giả.

Ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn bị buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi, nếu hành vi vi phạm là: làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của phương tiện, thiết bị thông tin báo cháy.

Câu hỏi 64: Theo quy định của pháp luật, có những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm về trang bị, bảo quản và sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm về trang bị, bảo quản và sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy sẽ bị xử phạt như sau:

a) Hành vi bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng gồm:

- Bố trí, lắp đặt phương tiện phòng cháy và chữa cháy không đúng nơi quy định;
- Không bảo dưỡng phương tiện phòng cháy và

chữa cháy định kỳ theo quy định.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng gồm:

- Sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy chưa được kiểm định theo quy định;

- Trang bị phương tiện chữa cháy không phù hợp với tính chất nguy hiểm cháy, nổ theo quy định;

- Trang bị phương tiện chữa cháy không đầy đủ theo quy định;

- Sử dụng phương tiện chữa cháy không đúng mục đích theo quy định.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng là: cố ý làm hư hỏng phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

d) Hành vi bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng gồm:

- Không trang bị, lắp đặt phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

- Hoán cải xe ô tô chữa cháy, tàu, thuyền chữa cháy chuyên dùng khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Câu hỏi 65: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm về công tác chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 22 Nghị định

số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm về công tác chữa cháy sẽ bị xử phạt như sau:

a) Hành vi bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng là: vào khu vực chữa cháy để làm các việc khác ngoài nhiệm vụ chữa cháy, cứu người, cứu tài sản hoặc làm bất cứ việc gì khi không được phép của người có thẩm quyền.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng gồm:

- Không chuẩn bị sẵn sàng, đầy đủ về lực lượng theo quy định để chữa cháy;

- Không bố trí đường giao thông và các khoảng trống khác cho xe chữa cháy và các phương tiện chữa cháy cơ giới khác hoạt động theo quy định.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng gồm:

- Không kịp thời tổ chức việc thoát nạn, cứu người hoặc chữa cháy;

- Không chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy;

- Không chấp hành lệnh huy động tham gia chữa cháy của người có thẩm quyền;

- Không phối hợp trong chỉ huy chữa cháy khi đã có quy định hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

- Cản trở hoạt động của lực lượng và phương

tiện chữa cháy trong khu vực chữa cháy;

- Không tham gia khắc phục hậu quả vụ cháy khi có yêu cầu của người có thẩm quyền;

- Không bảo vệ hiện trường vụ cháy sau khi đám cháy đã được dập tắt.

d) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

- Chống lại người thi hành công vụ trong khi đang thi hành nhiệm vụ chữa cháy;

- Lợi dụng việc chữa cháy để xâm hại đến sức khỏe, tài sản hợp pháp của công dân và tài sản của Nhà nước.

Câu hỏi 66: Pháp luật quy định những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, học tập, bồi dưỡng và huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, học tập, bồi dưỡng và huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính như sau:

a) Hành vi bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng là: làm hư hỏng băng rôn, khẩu hiệu, panô, áp phích, tranh ảnh

tuyên truyền, cổ động về phòng cháy và chữa cháy.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng gồm:

- Không tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật, học tập, bồi dưỡng kiến thức và huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

- Không có “Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy” theo quy định.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng là: không đưa kiến thức về phòng cháy và chữa cháy vào chương trình đào tạo người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới theo quy định.

Ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi làm hư hỏng băng rôn, khẩu hiệu, panô, áp phích, tranh ảnh tuyên truyền, cổ động về phòng cháy và chữa cháy còn bị buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

Câu hỏi 67: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm về thành lập, tổ chức, quản lý lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 24 Nghị định

số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm về thành lập, tổ chức, quản lý lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành sẽ bị xử phạt như sau:

a) Hành vi bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng là: không có biện pháp quản lý và duy trì hoạt động của đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hoặc chuyên ngành theo quy định.

b) Hành vi bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng là: đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hay chuyên ngành không tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy khi được người có thẩm quyền yêu cầu.

c) Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng là: không thành lập đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở hay chuyên ngành theo quy định.

Câu hỏi 68: Những hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy và thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là những hình thức nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 123, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hành vi vi phạm quy định trong hoạt động sản xuất,

kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy và thiết kế về phòng cháy và chữa cháy sẽ bị xử phạt như sau:

a) *Hành vi bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng là:* kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy chưa được kiểm định theo quy định.

b) *Hành vi bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng là:* hoạt động sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy và thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa đủ điều kiện về cơ sở vật chất, chuyên môn kỹ thuật theo quy định.

Câu hỏi 69: Hình thức xử phạt được áp dụng đối với hành vi vi phạm về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là hình thức nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 123, hành vi vi phạm quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc bị xử phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng gồm:

a) Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc không có biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất cho đối tượng tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

b) Không bán hoặc không mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

Câu hỏi 70: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi cá nhân, tổ chức để xảy ra cháy, nổ?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 123, cá nhân, tổ chức để xảy ra cháy, nổ sẽ bị xử phạt như sau:

a) *Hành vi vi phạm bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng là: vô ý để xảy ra cháy, nổ nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại đến 1.000.000 đồng.*

b) *Hành vi vi phạm bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng gồm:*

- Để xảy ra cháy, nổ do vi phạm quy định an toàn phòng cháy và chữa cháy nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại đến 500.000 đồng;

- Vô ý để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại từ 1.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

c) *Hành vi vi phạm bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng là: vô ý để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

III- VỀ THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Câu hỏi 71: Cơ quan và chức danh nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy?

Trả lời: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được quy định trong Chương III Nghị định số 123 (từ Điều 28 đến Điều 30). Theo đó, các cơ quan, chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy bao gồm: cơ quan Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, chức danh khác được quy định tại các điều 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, như: Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Quản lý thị trường, v.v.. Các cơ quan, chức danh này trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 123 thì có quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 72: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 123, lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và các hành vi vi phạm về phòng cháy và chữa cháy quy định tại những văn bản quy phạm pháp luật khác; lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về

trật tự xã hội, lực lượng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của mình.

Ngày 02-4-2008, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, có hiệu lực thi hành từ ngày 01-8-2008. Pháp lệnh này đã nâng thẩm quyền xử phạt tiền của một số chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 30 Nghị định số 123, Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy như sau:

1. Chiến sĩ Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, chiến sĩ Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, chiến sĩ Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, chiến sĩ Cảnh sát giao thông đường thủy đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người có thẩm quyền nêu trên có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

4. Trưởng Công an cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

6. Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường thủy thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có thẩm quyền xử phạt:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường thủy thuộc Tổng cục Cảnh sát trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa được quy định đối với các lĩnh vực thuộc quyền quản lý của mình;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

Lưu ý: Nghị định số 123 quy định mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy đến 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính sửa đổi đã nâng mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy lên 30.000.000 đồng. Mức phạt này cũng phù hợp với thẩm quyền phạt tiền của Giám đốc Công an cấp tỉnh.

Câu hỏi 73: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được quy định như thế nào?

Trả lời: Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 30 Nghị định số 123, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, bao gồm: buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra; buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra; buộc di chuyển chất nguy hiểm về chấy, nổ do vi phạm hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định; các biện pháp khắc phục hậu quả khác theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, bao gồm: buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra; buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra; buộc di chuyển chất nguy hiểm về chấy, nổ do vi phạm

hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định; các biện pháp khắc phục hậu quả khác theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa được quy định;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, bao gồm: buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra; buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép; buộc khắc phục tình trạng không an toàn do vi phạm hành chính gây ra; buộc di chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ do vi phạm hành chính gây ra đến kho, địa điểm theo quy định; các biện pháp khắc phục hậu quả khác theo quy định.

Câu hỏi 74: Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy có được uỷ quyền cho người khác không? Trong Công an nhân dân, những chức danh nào có thể uỷ quyền xử phạt?

Trả lời: Theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, người có chức danh từ Đội trưởng, Trạm trưởng hoặc tương đương trở lên thuộc các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thể uỷ quyền cho cấp phó của mình thực hiện thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ quy định tại Điều 41 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 29 Nghị định số 123, trong Công an nhân dân, các chức danh sau đây có thể uỷ quyền cho cấp phó của mình ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy:

- Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Công an nhân dân;

- Trưởng Công an cấp xã;

- Trưởng Công an cấp huyện;

- Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy; Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường thủy;

- Giám đốc Công an cấp tỉnh;

- Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy; Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt; Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường thủy.

Cần lưu ý là, theo quy định của Pháp lệnh xử

lý vi phạm hành chính (Điều 41) và Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16-12-2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính sửa đổi (Điều 16), việc uỷ quyền xử lý vi phạm hành chính chỉ được thực hiện đối với cấp phó trực tiếp và phải thực hiện bằng văn bản. Người được uỷ quyền có quyền xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền của cấp trưởng, không được uỷ quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác và phải chịu trách nhiệm về quyết định xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện.

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần thứ nhất</i>	
HỎI - ĐÁP VỀ XỬ PHẠT	
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG	
LĨNH VỰC AN NINH, TRẬT TỰ	
	7
I- Những quy định chung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự	7
Câu hỏi 1: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự là gì?	7
Câu hỏi 2: Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được áp dụng theo những văn bản quy phạm pháp luật nào?	8
Câu hỏi 3: Đối tượng nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự?	9
Câu hỏi 4: Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được áp dụng theo nguyên tắc nào?	10
Câu hỏi 5: Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự sẽ bị áp dụng những	

	hình thức xử phạt nào?	12
Câu hỏi 6:	Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như thế nào?	14
Câu hỏi 7:	Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự sau bao lâu thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính?	15
Câu hỏi 8:	Vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự gồm những loại hành vi nào?	16
II-	Về những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự	17
Câu hỏi 9:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm trật tự công cộng?	17
Câu hỏi 10:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi gây ảnh hưởng đến sự yên tĩnh chung?	22
Câu hỏi 11:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi gây ảnh hưởng đến việc giữ gìn vệ sinh chung?	23
Câu hỏi 12:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về nếp sống văn minh?	26
Câu hỏi 13:	Những hình thức xử phạt nào	

	được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú?	27
Câu hỏi 14:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về cấp và quản lý, sử dụng giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ tùy thân?	30
Câu hỏi 15:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các loại pháo, đồ chơi nguy hiểm bị cấm?	32
Câu hỏi 16:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự?	38
Câu hỏi 17:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu?	41
Câu hỏi 18:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ?	45
Câu hỏi 19:	Những hình thức xử phạt nào được pháp luật cho áp dụng đối với	

	hành vi vi phạm các quy định về tổ tụng hình sự, thi hành các biện pháp xử lý hành chính khác?	48
Câu hỏi 20:	Theo quy định của pháp luật, những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác?	50
Câu hỏi 21:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự?	53
Câu hỏi 22:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cư trú và đi lại?	54
Câu hỏi 23:	Pháp luật quy định như thế nào về hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy?	59
Câu hỏi 24:	Hành vi mại dâm và liên quan đến hoạt động mại dâm bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?	62
Câu hỏi 25:	Ngoài những hành vi được quy định tại Nghị định số 73, các hành vi khác liên quan đến phòng, chống mại dâm được xử lý theo quy định nào?	63
Câu hỏi 26:	Những hình thức xử phạt vi phạm hành chính nào được áp dụng đối	

	với hành vi đánh bạc trái phép?	66
Câu hỏi 27:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về bán, sử dụng rượu, bia?	69
Câu hỏi 28:	Những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước?	71
Câu hỏi 29:	Pháp luật quy định như thế nào về hình thức xử phạt vi phạm hành chính áp dụng đối với hành vi đưa hối lộ người thi hành công vụ?	74
Câu hỏi 30:	Người nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bị áp dụng hình thức xử phạt trực xuất trong những trường hợp nào?	74
III-	Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự	76
Câu hỏi 31:	Những cơ quan và chức danh nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự?	76
Câu hỏi 32:	Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự của lực lượng Công an nhân dân được quy định như thế nào?	77

- Câu hỏi 33: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như thế nào? 81
- Câu hỏi 34: Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự có được uỷ quyền cho người khác xử phạt không? Trong Công an nhân dân, những chức danh nào có thể uỷ quyền xử phạt? 83
- Câu hỏi 35: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được xác định dựa trên những nguyên tắc nào? 86
- Câu hỏi 36: Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như thế nào? 89
- Câu hỏi 37: Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, người có thẩm quyền được áp dụng biện pháp ngăn chặn nào? 91
- Câu hỏi 38: Việc thu, nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự được quy định như thế nào? Người vi phạm có được nộp tiền tại chỗ cho người xử phạt không? 91
- Câu hỏi 39: Nghĩa vụ chấp hành quyết định

	xử phạt của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính được quy định như thế nào? Nếu không tự nguyện chấp hành thì bị áp dụng biện pháp nào?	92
Câu hỏi 40:	Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự để sung quỹ nhà nước được thực hiện như thế nào?	95
Câu hỏi 41:	Trình tự, thủ tục xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bị tịch thu để bán đấu giá được quy định như thế nào?	96
Câu hỏi 42:	Trình tự, thủ tục xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự bị tịch thu thuộc loại phải tiêu huỷ được quy định như thế nào?	98
Câu hỏi 43:	Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự mà phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền xử lý như thế nào?	98

Phần thứ hai

HỎI - ĐÁP VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY	101
I- Những quy định chung về xử phạt vi	

phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy	101
Câu hỏi 44: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy là gì? Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật nào?	101
Câu hỏi 45: Đối tượng nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy?	103
Câu hỏi 46: Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được áp dụng theo nguyên tắc nào?	104
Câu hỏi 47: Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy sẽ bị áp dụng những hình thức xử phạt nào?	106
Câu hỏi 48: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được quy định như thế nào?	107
Câu hỏi 49: Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy trong thời gian bao lâu thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính?	108
Câu hỏi 50: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy gồm	

những loại hành vi nào?	108
II- Về những hành vi vi phạm cụ thể và hình thức xử phạt trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy	110
Câu hỏi 51: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm trong việc ban hành, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy?	110
Câu hỏi 52: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy?	112
Câu hỏi 53: Pháp luật quy định những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, bảo quản và sử dụng chất nguy hiểm về cháy, nổ?	112
Câu hỏi 54: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sản xuất, kinh doanh chất nguy hiểm về cháy, nổ?	114
Câu hỏi 55: Pháp luật hiện hành quy định hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định trong	

	vận chuyển chất nguy hiểm về cháy, nổ như thế nào?	116
Câu hỏi 56:	Những hình thức xử phạt nào được pháp luật quy định áp dụng đối với hành vi vi phạm điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy?	119
Câu hỏi 57:	Theo quy định của pháp luật, những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt?	120
Câu hỏi 58:	Theo quy định của pháp luật, những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quản lý, sử dụng điện?	121
Câu hỏi 59:	Những hình thức xử phạt nào theo quy định của pháp luật sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng?	122
Câu hỏi 60:	Pháp luật quy định những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định	

	về khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy và ngăn cháy?	124
Câu hỏi 61:	Pháp luật quy định những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy?	126
Câu hỏi 62:	Những hình thức xử phạt nào được pháp luật quy định áp dụng đối với hành vi vi phạm về xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy?	128
Câu hỏi 63:	Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm về thông tin báo cháy?	129
Câu hỏi 64:	Theo quy định của pháp luật, có những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm về trang bị, bảo quản và sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy?	130
Câu hỏi 65:	Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm về công tác chữa cháy?	131
Câu hỏi 66:	Pháp luật quy định những hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với hành vi vi phạm về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, học tập, bồi dưỡng và huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy?	133

- Câu hỏi 67: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm về thành lập, tổ chức, quản lý lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành? 134
- Câu hỏi 68: Những hình thức xử phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy và thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là những hình thức nào? 135
- Câu hỏi 69: Hình thức xử phạt được áp dụng đối với hành vi vi phạm về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là hình thức nào? 136
- Câu hỏi 70: Những hình thức xử phạt nào sẽ được áp dụng đối với hành vi cá nhân, tổ chức để xảy ra cháy, nổ? 137
- III- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy** 137
- Câu hỏi 71: Cơ quan và chức danh nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy? 137
- Câu hỏi 72: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân trong lĩnh vực phòng cháy

	và chữa cháy được quy định như thế nào?	138
Câu hỏi 73:	Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy được quy định như thế nào?	142
Câu hỏi 74:	Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy có được uỷ quyền cho người khác không? Trong Công an nhân dân, những chức danh nào có thể uỷ quyền xử phạt?	144

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

Biên tập nội dung:	PHẠM VIỆT HOÀNG THỊ TUYẾT
Biên tập kỹ thuật:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	PHẠM THU HÀ
Đọc sách mẫu:	HOÀNG THỊ TUYẾT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

24 Quang Trung - Hà Nội ĐT: 39422008 FAX: 84-4-39421881
E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

- LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ
 - LUẬT TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC
 - LUẬT HÓA CHẤT
 - LUẬT QUẢN LÝ NỢ CÔNG
 - LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2005 ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG NĂM 2009
- Bích Loan
- HỎI - ĐÁP VỀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ, GIÁM SÁT CÁN BỘ
TẠI CỘNG ĐỒNG, KHU DÂN CƯ



8935211111974